

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo quy trình thực hiện công bố thông tin trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và báo cáo UBCKNN theo Quyết định số 515/QĐ-UBCK ngày 25/6/2012)



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

Số: 185 /CBTT-PHT-HĐQT

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

Trụ sở chính: 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TpHCM

Điện thoại: (84-08) 38 558 410

Người thực hiện công bố thông tin: HOÀNG NGỌC LÂM – Giám đốc

Địa chỉ: 1623 Phạm Thế Hiển, Phường 6, Quận 8, TP. HCM

Điện thoại: (84-028) 38 558 410

Loại công bố thông tin: ☒ 24h; ☐ 72h; ☐ Yêu cầu; ☐ Bất thường; ☐ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 18 năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trong đó có một số nội dung sau:

1. Mức chia cổ tức năm 2024: 8,5% tương đương 850 đồng/cổ phiếu.

2. Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|------------|
| - Bà Lê Thị Thanh Tâm | Chủ tịch |
| - Ông Dương Văn Hòa | Thành viên |
| - Ông Lê Hoàng Sơn | Thành viên |
| - Ông Vương Vũ | Thành viên |
| - Ông Võ Tấn Bảo Quang | Thành viên |

3. Bầu thay thế thành viên Hội đồng Quản trị:

- | | |
|---------------------------|--------------------------|
| - Ông Lý Thành Tài | Chủ tịch |
| - Ông Hoàng Ngọc Lâm | Thành viên kiêm Giám đốc |
| - Bà La Ngọc Hạnh | Thành viên |
| - Bà Nguyễn Thị Thùy Linh | Thành viên |
| - Bà Trần Lệ Phương | Thành viên |

4. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty – Theo như Dự thảo hợp đồng.

Đồng thời, ủy quyền cho HĐQT lựa chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC hoặc Công ty TNHH Deloitte Việt Nam trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 với đơn vị kiểm toán độc lập Chuẩn Việt.

5. Chấp thuận Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – Theo như Dự thảo hợp đồng và bản thỏa thuận.

Đồng thời, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) khi điều khoản hợp đồng có sự điều chỉnh.

Giao cho Giám đốc ký kết các hợp đồng và bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn sau khi được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu. VT, TTK.

Tài liệu đính kèm:

- BB + NQ hợp ĐHĐCĐ năm 2025;

Người thực hiện công bố thông tin
GIÁM ĐỐC



Hoàng Ngọc Lâm

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 6 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2025
Ngày 26/6/2025

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

Hôm nay vào lúc 8 giờ 30', ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Hội trường Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân, số 86 Tân Hưng, Phường 12 – Quận 5, TP.Hồ Chí Minh, tiến hành kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên lần thứ 18 – năm 2025.

I. NGHI THỨC ĐẠI HỘI:

1. Tính hợp pháp, hợp lệ của Đại hội:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 9.000.000 cổ phần.
- Tổng số cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền tham dự có mặt lúc 8h30' là: **18** người, đại diện cho **7.509.922** cổ phần, chiếm tỷ lệ **83,44%** số cổ phần có quyền biểu quyết.

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

2. Bầu Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký & Ban kiểm tra tư cách cổ đông; thông qua Chương trình; Thể lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội.

Đại hội biểu quyết thông qua nhân sự Đoàn chủ tịch, Đoàn thư ký và Ban thẩm tra tư cách cổ đông đồng thời là Ban kiểm phiếu với 100% cổ đông có quyền biểu quyết có mặt tại Đại hội đồng ý, gồm các thành viên như sau:

• **Đoàn chủ tịch gồm:**

- | | |
|------------------------|-------------------------------------|
| 1. Bà Lê Thị Thanh Tâm | - Chủ tịch HĐQT |
| 2. Ông Dương Văn Hòa | - Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty |

• **Đoàn thư ký gồm:**

1. Bà Dương Thị Mỹ Quý
2. Bà Nguyễn Thanh Mai

• **Ban thẩm tra tư cách cổ đông, đồng thời là Ban kiểm phiếu và ban bầu cử gồm:**

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung - Trưởng Ban

2. Ông Phùng Xuân Trung - Thành viên
3. Ông Nguyễn Thành Tính - Thành viên

Đoàn thư ký công bố Chương trình, Thề lệ làm việc và biểu quyết của Đại hội, cổ đông tham dự đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ đồng ý là 100%.

II. NỘI DUNG CHÍNH ĐẠI HỘI:

1. Đoàn chủ tịch lần lượt trình bày trước đại hội các nội dung chủ yếu gồm:

- 1.1. Báo cáo kết quả SXKD năm 2024 và Kế hoạch SXKD năm 2025;
- 1.2 Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2024;
- 1.3 Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024;
- 1.4 Trình ĐHĐCĐ chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 – Đính kèm Dự thảo hợp đồng;
- 1.5 Trình ĐHĐCĐ miễn nhiệm 05 thành viên HĐQT và bầu 05 thành viên HĐQT thay thế. Thông qua danh sách và lý lịch nhân sự ứng cử vào HĐQT;
- 1.6 Hướng dẫn và tiến hành bầu thay thế thành viên HĐQT;
- 1.7 Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch tài chính năm 2024 và Báo cáo tài chính năm 2024 đã kiểm toán;
- 1.8 Báo cáo Kế hoạch tài chính năm 2025;
- 1.9 Phân phối lợi nhuận năm 2024: mức chia cổ tức và trích lập các quỹ;
- 1.10 Báo cáo quỹ tiền lương, thù lao Người quản lý năm 2024 và trình ĐHĐCĐ duyệt Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2025;
- 1.11 Trình ĐHĐCĐ chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và ủy quyền cho HĐQT chấp thuận các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh – Đính kèm Dự thảo hợp đồng;
- 1.12 Trình ĐHĐCĐ thông qua: (1) thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty (2) sửa đổi Điều 4.1 của Điều lệ về ngành, nghề kinh doanh phù hợp với việc thay đổi trên, (3) xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.
- 1.13 Công bố kết quả bầu thay thế thành viên HĐQT;
- 1.14 Ý kiến của cổ đông và Đoàn chủ tịch giải đáp thắc mắc.

2. Phần ý kiến cổ đông tại Đại hội:

- Ý kiến 1: Đề nghị HĐQT xây dựng phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 theo hướng đảm bảo hài hòa lợi ích giữa cổ đông và người lao động, người quản lý Công ty. Phần lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ theo quy định, đề nghị chia hết cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông.

Trả lời: Hội đồng quản trị đã thảo luận và cân đối phù hợp khi đưa ra phương án phân phối lợi nhuận đảm bảo hài hòa giữa cổ đông (tăng 0,5% so với kế hoạch) và người lao động, người quản lý Công ty. Lợi nhuận sau trích lập các quỹ đã được chia hết cổ tức bằng tiền mặt cho cổ đông.

- Ý kiến 2: Đề nghị HĐQT sớm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2025 của thành viên HĐQT, BKS theo đúng quy định tại nghị định 44/2025/NĐ-CP và Điều lệ Công ty.

Trả lời: Nghị định 44/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ, đối tượng bắt buộc là doanh nghiệp có vốn của nhà nước. Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân là doanh nghiệp có vốn góp chi phối (70,39%) của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (doanh nghiệp nhà nước). Vì thế, sau khi có hướng dẫn của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn, đơn vị sẽ vận dụng phù hợp.

3. Đại hội biểu quyết thông qua nội dung miễn nhiệm và bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2022 – 2027):

➤ **Kết quả biểu quyết như sau:**

3.1 Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT theo Tờ trình số 173/TTr-PHT-HĐQT ngày 03/6/2025:

- a) Bà Lê Thị Thanh Tâm theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;
- b) Ông Dương Văn Hòa theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;
- c) Ông Lê Hoàng Sơn theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;
- d) Ông Vương Vũ theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV;
- e) Ông Võ Tấn Bảo Quang theo sự điều động của Ngân hàng Vikki Bank

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.509.922 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

3.2 Thông qua số lượng bầu thay thế 05 thành viên HĐQT nhiệm kỳ (2022 – 2027):

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.509.922 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

3.3 Thông qua danh sách ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị do Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV, nắm giữ 70,39% cổ phần có quyền biểu quyết, và Ngân hàng Vikki Bank, nắm giữ 10,00% cổ phần có quyền biểu quyết, đề cử:

- a) Ông Hoàng Ngọc Lâm (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV);
- b) Bà La Ngọc Hạnh (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV);
- c) Bà Nguyễn Thị Thùy Linh (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV);
- d) Bà Trần Lệ Phương (Ngân hàng Vikki Bank)
- e) Ông Lý Thành Tài (Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV);

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.509.922 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

3.4 Thông qua thể lệ bầu thay thế thành viên HĐQT bằng hình thức bỏ phiếu kín:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.509.922 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

4. Đại hội biểu quyết thông qua các nội dung báo cáo, tờ trình Đại hội:

- 4.1 Tính đến thời điểm biểu quyết thông qua các nội dung đã thảo luận, lúc 10 giờ 50, tổng số cổ phần cổ đông sở hữu hoặc được ủy quyền là **7.511.981** cổ phần, chiếm tỷ lệ

83,47% số cổ phần có quyền biểu quyết. Trong đó, số cổ phần của cổ đông không có lợi ích liên quan đến Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn là **1.124.071** cổ phần.

4.2 Kết quả biểu quyết như sau:

1. Thống nhất Kế hoạch SXKD năm 2025 số 066/BC-PHT-KHĐT ngày 15/01/2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

2. Thống nhất Báo cáo số 144/BC-PHT-HĐQT ngày 21/3/2025 về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

3. Thống nhất Báo cáo số 37/BC-PHT-BKS ngày 25/4/2025 của Ban Kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

4. Thống nhất Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
-------------------	---

5. Thống nhất Kế hoạch tài chính năm 2025 số 310/KTTC-PHT ngày 19/3/2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

6. Thống nhất phân phối lợi nhuận năm 2024 theo văn bản số 311/KTTC-PHT ngày 19/3/2025: Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.469.781 cổ phần, tương đương với 99,44% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	42.200 cổ phần, tương đương với 0,56% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

7. Thống nhất chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 theo Tờ trình số 031/TTr-PHT-BKS ngày 11/3/2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

8. Thông qua Kế hoạch thù Người quản lý công ty năm 2025 theo Tờ trình số 141/TTr-PHT-HDQT ngày 14/3/2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
-------------------	---

9. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (đính kèm Dự thảo hợp đồng) có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất – theo như Tờ trình số 142/TTr-PHT-HĐQT ngày 14/3/2025:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	1.124.071 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần không có lợi ích liên quan, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông không có lợi ích liên quan tham dự họp

❖ Cổ đông có lợi ích liên quan không tham gia biểu quyết gồm:

- 05 thành viên đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 6.335.200 cổ phiếu.
- 04 thành viên Ban điều hành của Công ty đại diện cho tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 52.710 cổ phiếu .

14. Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty theo như Tờ trình số 140/TTr-PHT-HĐQT ngày 14/3/2025, đồng thời, giao cho Giám đốc - Người đại diện pháp luật lập thủ tục cần thiết để điều chỉnh Giấy CNDN của Công ty:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

15. Thông qua việc sửa đổi Điều 4.1 của Điều lệ về ngành, nghề kinh doanh: bỏ ngành nghề kinh doanh bất động sản:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu

	quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

16. Thông qua việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 25% vốn điều lệ:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

17. Kết quả bầu cử: 5 (năm) thành viên trúng cử HĐQT nhiệm kỳ 2022 – 2027 (theo thứ tự cao xuống thấp):

- a) Bà La Ngọc Hạnh
- b) Ông Lý Thành Tài
- c) Ông Hoàng Ngọc Lâm
- d) Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
- e) Bà Trần Lệ Phương

18. Thông qua Dự thảo Nghị quyết Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

19. Thông qua Biên bản Đại hội:

Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua với tỷ lệ như sau:

➤ Tán thành	7.511.981 cổ phần, tương đương với 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không tán thành	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp
➤ Không có ý kiến	0 cổ phần, tương đương với 0% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông tham dự họp

Biên bản được lập vào lúc 11 giờ 30 phút ngày 26 tháng 6 năm 2025./.

TM. ĐOÀN THỦ KÝ



Dương Thị Mỹ Quý



TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH

Chủ tọa



Lê Thị Thanh Tâm

Số: 178 /NQ-PHT-ĐHĐCĐ

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức & hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 và các biên bản kiểm phiếu tại Đại hội ngày 26/6/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) và Báo cáo tài chính (đã kiểm toán) năm 2024 với một số các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	33.053.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	421.529 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận trước thuế:	28.652 triệu đồng
4- Tổng lợi nhuận sau thuế:	21.395 triệu đồng
5- Tỷ suất LNST trên vốn CSH	17,78%

Điều 2. Thông qua chia cổ tức và phân phối lợi nhuận 2024:

A. Mức chia cổ tức:	8,5% = 850 đồng/cổ phiếu
B. Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024:	21.774.230.040 đ
- Lợi nhuận chưa phân phối năm 2023:	379.171.458 đ
- Lợi nhuận sau thuế năm 2024:	21.395.058.582 đ
C. Phân phối lợi nhuận năm 2024:	21.774.230.040 đ
- Chi cổ tức:	7.650.000.000 đ
- Trích lập các quỹ:	14.124.230.040 đ
Trong đó:	
- Quỹ đầu tư phát triển:	882.787.920 đ
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động:	12.852.642.120 đ
- Quỹ thưởng Người quản lý:	388.800.000 đ
D. Lợi nhuận chưa phân phối:	0 đ

Điều 3. Thông qua kế hoạch SXKD và kế hoạch tài chính năm 2025 với các chỉ tiêu chính:

1- Sản lượng nước tiêu thụ:	33.300.000 m ³
2- Tổng doanh thu:	411.265 triệu đồng
3- Tổng lợi nhuận sau thuế:	21.580 triệu đồng
4- Tỷ suất LNST trên vốn CSH	17,80%
5- Mức cổ tức:	8,5% = 850 đồng/cổ phiếu

(Tùy vào tình hình thực tế, các chỉ tiêu kế hoạch sẽ được điều chỉnh theo quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty khi cần thiết).

- Điều 4.** Thông qua Báo cáo số 144/BC-PHT-HĐQT ngày 14/3/2025 về hoạt động của Hội đồng Quản trị (HĐQT) năm 2024.
- Điều 5.** Thông qua Báo cáo số 37/BC-PHT-BKS ngày 25/4/2025 về hoạt động của Ban Kiểm soát (BKS) và kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty.
- Điều 6.**
1. Thống nhất danh sách 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm: (1) Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt; (2) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam, (3) Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
 2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Phú Hòa Tân (đính kèm dự thảo Hợp đồng);
 3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn (Chuẩn Việt).
- Điều 7.** Thông qua Tờ trình số 141/TTr-PHT-HĐQT ngày 14/4/2025 về tổng tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024 của người quản lý. Thông qua tổng thù lao kế hoạch năm 2025 của người quản lý không chuyên trách là 516 triệu đồng. Cụ thể: (1) Thành viên HĐQT: 7 triệu/người/tháng (2) Thành viên Ban Kiểm soát: 4 triệu/người/tháng. Các khoản chi phí khác cho hoạt động của HĐQT, BKS được hạch toán theo thực tế. Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế và quy định của pháp luật, Công ty sẽ quyết toán tổng ngân sách thực hiện theo quy định.
- Điều 8.**
1. Chấp thuận Hợp đồng mua bán si nước sạch và Bản thỏa thuận năm 2025 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn (Công ty mẹ) có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất theo Tờ trình số 142/TTr-PHT-HĐQT ngày 14/3/2025 (đính kèm dự thảo Hợp đồng và bản thỏa thuận).
 2. Ủy quyền cho Hội đồng Quản trị chấp thuận Hợp đồng mua bán si nước sạch và Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn khi điều khoản Hợp đồng có sự điều chỉnh và giao cho Giám đốc ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- Điều 9.** Thông qua việc thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty theo như Tờ trình số 140/TTr-PHT-HĐQT ngày 14/3/2025, cụ thể: bỏ ngành kinh doanh bất động sản. Đồng thời, giao cho Giám đốc – Người đại diện pháp luật thực hiện thủ tục cần thiết để điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty.
- Điều 10.** Thông qua sửa đổi Điều 4.1 của Điều lệ về ngành, nghề kinh doanh: bỏ ngành nghề kinh doanh bất động sản.
- Điều 11.** Thông qua việc xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Công ty là 25% vốn điều lệ.
- Điều 12.** Thông qua việc miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với các cá nhân sau theo Tờ trình số 173/TTr-PHT-HĐQT ngày 03/6/2025, gồm:

1. Bà Lê Thị Thanh Tâm
2. Ông Dương Văn Hòa
3. Ông Lê Hoàng Sơn

4. Ông Võ Tấn Bảo Quang.
5. Ông Vương Vũ

Điều 13. Thông qua 5 (năm) thành viên trúng cử Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ IV (2022 – 2027), gồm:

1. Bà La Ngọc Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh
3. Ông Hoàng Ngọc Lâm
4. Bà Trần Lệ Phương
5. Ông Lý Thành Tài

Điều 14. Giao cho HĐQT, BKS, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 15. Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ khi được ĐHĐCĐ thông qua, ngày 26/6/2025./.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BGĐ;
- Phòng, Ban, Đội;
- Lưu.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CHỦ TỌA

Lê Thị Thanh Tâm

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD 2024 - KẾ HOẠCH
SXKD NĂM 2025****I. Kết quả thực hiện chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2024:****1. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024:**

CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024		CHÊNH LỆCH SO VỚI KẾ HOẠCH NĂM 2024
				KHỐI LƯỢNG	%	
A- KINH DOANH:						
1- Nước tiêu thụ	1.000m ³	33.318	33.000	33.053	100,16	+ 53
2- Doanh thu tiền nước	tr đồng	395.641	394.020	397.431	100,87	+ 3.411
3- Giá bán bình quân	đồng/m ³	11.875	11.940	12.024	100,70	+ 84
4- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ	cái	18.234	18.500	19.106	103,28	+ 606
5- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn	cái	34	21	21	100,00	0
6- Gắn mới ĐHN	cái	106	70	86	122,86	+ 16
7- % thất thoát nước bình quân	%	4,81	12,50	5,60		- 6,90
B- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:						
1- Thay mới ống mục	mét	11.168	11.718	12.184	103,98	+ 466

2. Đánh giá kết quả thực hiện:**a) Về kinh doanh nước sạch:**

Với tinh thần phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 2024 của toàn thể người lao động, Công ty đã đạt kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 như sau:

- Lượng nước tiêu thụ của Công ty năm 2024 đạt 100,16% kế hoạch, vượt kế hoạch hơn 53.000 m³, thấp hơn tiêu thụ 2023 265.000 m³, là do năm 2023 đổi chu kỳ đọc số ngày 21/12/2022 lên ngày 01/01/2023 đầu tháng, làm tăng số ngày đọc số, tăng số ngày tiêu thụ năm 2023 thêm 7 ngày, tương đương tăng khoảng 0,6 triệu m³.

- Tiêu thụ bình quân 1 ngày của khách hàng năm 2024 đạt 90.044 m³/ngày, cao hơn tiêu thụ bình quân 1 ngày của khách hàng năm 2023 340m³/ngày (89.704 m³/ngày).
- Doanh thu tiền nước của Công ty năm 2024 đạt 100,87% kế hoạch, vượt hơn 3,4 tỷ đồng so với kế hoạch, cao hơn gần 1,8 tỷ đồng so với doanh thu tiền nước năm 2023.
- Giá bán bình quân tiền nước năm 2024 đạt 100,7% kế hoạch, vượt kế hoạch 84 đồng/m³, cao hơn 149 đồng/m³ so với giá bán bình quân năm 2023 (11.875 đồng/m³).
- Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch được giữ vững 100% trên địa bàn, với tổng số 90.303 khách hàng cuối năm 2024.
- Công tác thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ đạt 103,28% kế hoạch, thay định kỳ ĐHN cỡ lớn đạt 100% so với kế hoạch 2024.
- Năm 2024, Công ty đã thực hiện nhiều nghiệp vụ kinh doanh như:
 - + Tiếp nhận và xử lý 20.974 đơn thắc mắc, khiếu nại, đề nghị về hoá đơn tiền nước, về chỉ số ĐHN, về giá biểu, định mức, nâng dời ĐHN ... của khách hàng.
 - + Tiếp nhận và giải đáp 19.102 cuộc gọi thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.
 - + Sang tên ĐHN cho 5.856 khách hàng, ký lại Hợp đồng dịch vụ cấp nước điện tử cho 12.100 khách hàng.
 - + Qua công tác đọc số, kiểm tra, Công ty đã lập 451 thông báo thay đổi giá nước đến khách hàng, cập nhật giá biểu 6.069 trường hợp.
 - + Tiếp tục cập nhật mã định danh, nâng tổng số đã cập nhật đến ngày 31/12/2024 lên 286.001 mã định danh, đạt tỷ lệ 63,66% trên tổng số khách hàng được cấp định mức nước.
 - + Thông qua việc cập nhật mã định danh, Công ty đã cập nhật định mức 37.936 danh bạ, cắt chuyển định mức 5.917 trường hợp, điều chỉnh định mức 30.135 danh bạ. Đến cuối năm 2024, giảm 46.500 m³ định mức nước cấp cho khách hàng so với cuối năm 2023.
 - + Yêu cầu 1.542 khách hàng làm mất ĐHN, làm bể kính ĐHN hoặc làm đứt chì ĐHN ... đóng tiền gần 1,9 tỷ đồng thay ĐHN mới.
 - + Bấm chì khóa góc 835 ĐHN khách hàng sau khi thực hiện các dự án cải tạo ống mục, gắn mới, nâng dời, đổi cỡ ĐHN ...
 - + Nâng dời 1.062 ĐHN ở vị trí khuất lấp hoặc do khách hàng xây sửa nhà, giải tỏa mặt bằng ..., trong đó 963 trường hợp theo đề nghị của khách hàng, khách hàng đóng tiền gần 1,1 tỷ đồng.
 - + Thương lượng giảm cỡ 100 ĐHN khách hàng có lượng nước tiêu thụ thấp hơn cỡ ĐHN đang sử dụng, giúp cho lượng nước tiêu thụ được đo đếm chính xác và giảm chi phí thay ĐHN cỡ lớn. Nâng cỡ ĐHN cho 1 khách hàng tăng tiêu thụ.

- ✓ Trước nhà 116 Ông Ích Khiêm, P5, Q11: sửa bể ống 150uPVC, giảm thất thoát nước 220 m³/ngày.
- ✓ Trước nhà 151 Ngô Gia Tự, P2, Q10: sửa bể ống 200uPVC, giảm thất thoát nước 600 m³/ngày.
- ✓ Trước nhà 700 Sư Vạn Hạnh, P12, Q10: sửa bể ống 150uPVC, giảm thất thoát nước 860 m³/ngày ...

5. Các sáng kiến, giải pháp của người lao động được công nhận năm 2024:

Các sáng kiến, giải pháp cải tiến tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và chất lượng công việc mà Công ty quan tâm khuyến khích trong năm là:

STT	Tên đề tài	Giải pháp / Sáng kiến	Giấy khen
1	Phát triển và nâng cấp phần mềm tính truy thu định mức nước	Sáng kiến	cấp Tổng Công ty
2	Hệ thống quản lý NRW phục vụ cho trung tâm PWNOC	Sáng kiến	cấp Tổng Công ty
3	Bộ điều chỉnh áp lực từ xa	Sáng kiến	cấp Công ty
4	Phần mềm kiểm tra đồng hồ điện từ - PWC auto test	Giải pháp	cấp Tổng Công ty
5	Phát triển bộ API tích hợp dữ liệu các phần mềm ứng dụng phục vụ hoạt động SXKD	Giải pháp	cấp Tổng Công ty
6	Hệ thống quản lý mạng lưới SCADA phục vụ cho trung tâm PWNOC	Giải pháp	cấp Tổng Công ty
7	Hệ thống vận hành điều tiết mạng lưới phục vụ cho trung tâm PWNOC	Giải pháp	cấp Tổng Công ty
8	Ứng dụng CNTT trong công tác cập nhật và báo cáo hoàn công điểm bề trên ứng dụng WebGis	Giải pháp	cấp Tổng Công ty
9	Ứng dụng Chat văn phòng	Giải pháp	cấp Công ty

Để nâng cao kỹ năng làm việc cho người lao động, trong năm 2024 Công ty đã tổ chức những lớp bồi dưỡng như:

- Tổ chức lớp Giao tiếp cơ bản của nhân viên ngành nước;
- Tổ chức bồi dưỡng hướng dẫn thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Tổ chức bồi dưỡng thi nâng bậc thợ, ...

II. Kế hoạch SXKD năm 2025:

Căn cứ kết quả thực hiện năm 2024, xét khả năng phân đầu của Công ty trong năm 2025, Công ty xây dựng kế hoạch SXKD năm 2025 như sau:

CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024		KẾ HOẠCH 2025
			KHỐI LƯỢNG	% SO VỚI KẾ HOẠCH	
A- KINH DOANH:					
1- Nước tiêu thụ	1.000m ³	33.000	33.053	100,16	33.300
2- Thu tiền nước	tr đồng	394.020	397.431	100,87	401.798
3- Giá bán bình quân	đồng/m ³	11.940	12.024	100,70	12.066
4- Thay định kỳ ĐHN cỡ nhỏ	cái	18.500	19.106	103,28	18.500
5- Thay định kỳ ĐHN cỡ lớn	cái	21	21	100,00	20
6- Gắn mới ĐHN	cái	70	86	122,86	50
7- % thất thoát nước bình quân	%	12,50	5,60		8,00
B- ĐẦU TƯ XÂY DỰNG:					
1- Thay mới ống mục	mét	11.718	12.184	103,98	16.141

III. Biện pháp thực hiện kế hoạch năm 2025:

1. Về kinh doanh nước sạch:

- Tập trung phân đầu hoàn thành chỉ tiêu lượng nước tiêu thụ năm 2025 là 33,3 triệu m³ thông qua nhiều biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng, tuyên truyền tác hại của việc sử dụng nước giếng, bảo đảm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước của khách hàng ...
- Sớm hoàn thành cập nhật mã định danh của khách hàng vào cơ sở dữ liệu trong năm 2025, làm cơ sở để điều chỉnh định mức nước cho khách hàng.
- Rà soát, kiểm tra các địa chỉ có định mức cao nhưng tiêu thụ thấp.
- Thường xuyên kiểm tra, điều chỉnh giá biểu phù hợp với thực tế sử dụng nước của khách hàng.
- Tăng cường tiếp cận ĐHN khách hàng để phản ánh đúng sản lượng tiêu thụ. Giải quyết triệt để các trường hợp nhà đóng cửa không ở không tiếp cận được ĐHN.
- Tiếp tục kiểm tra tiêu thụ bất thường, những đồng hồ nước có tiêu thụ từ 0-4m³, thay các ĐHN hoạt động bất thường, kính mờ, lắp, ngưng ..., không đọc được chỉ số.
- Theo dõi thường xuyên sản lượng của các đồng hồ khách hàng cỡ lớn, tiếp tục rà soát, kiểm tra tiêu thụ thực tế và thỏa thuận với khách hàng về việc nâng, hạ cỡ ĐHN cho phù hợp với thực tế tiêu thụ.

- + Mở nước cho 14 khách hàng nợ tiền nước đã thanh toán hơn 92 triệu đồng xin sử dụng nước lại.
- + Gắn mới 86 ĐHN cho khách hàng có nhu cầu sử dụng nước, cắt hủy 64 danh bộ ĐHN do nhà khách hàng nhập 2 căn liền kề xin hủy bớt ĐHN, hoặc nhà khách hàng giải tỏa.
- + Truy thu sử dụng nước gian lận, bất hợp pháp 286 trường hợp, với khối lượng 136.632 m³ nước.
- + Truy thu giá biểu, định mức 2.396 trường hợp, của hơn 5,5 triệu m³ nước có giá biểu, định mức đúng với thực tế sử dụng.
- + Yêu cầu nhà thầu thi công công trình hạ tầng điện lực, viễn thông, thoát nước làm bể ống cấp nước bồi thường gần 6 triệu đồng, ...

b) Ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động chăm sóc khách hàng và quản lý SXKD:

- Đã triển khai đầu tư phần mềm và thiết bị lưu trữ dự phòng tự động VEEAM cho các dữ liệu hoạt động sản xuất kinh doanh, hệ thống GIS, hệ thống tiện ích chăm sóc khách hàng. Giải pháp cho phép tạo ra các bản sao lưu cấp Image của toàn bộ máy chủ, phù hợp với ứng dụng của các ứng dụng đang chạy, đảm bảo khôi phục thành công các ứng dụng và dịch vụ quan trọng và cho phép các tình huống khôi phục dành riêng cho ứng dụng.
- Tiếp tục sử dụng văn phòng điện tử SOFFICE trong công ty, hỗ trợ phê duyệt văn bản online, tạo hồ sơ xử lý công việc đáp ứng việc xử lý văn bản mọi lúc mọi nơi thông qua internet. Các thông tin, tài liệu được chia sẻ công khai giúp các phòng ban có sự phối hợp làm việc nhanh chóng không phải mất thời gian tìm kiếm văn bản, tài liệu hay chờ sự phê duyệt từ cấp trên. Liên thông trực văn bản quốc gia, sử dụng chữ ký số, trình ký phê duyệt văn bản điện tử.
- Đưa vào sử dụng phần mềm quản lý, lưu trữ hóa đơn điện tử đầu vào IMS tiếp nhận, kiểm tra, xử lý, phân loại và lưu trữ hóa đơn đó thuận tiện cho tra cứu. Vận hành ổn định hệ thống quản lý hóa đơn điện tử đầu ra (hóa đơn tiền nước, hóa đơn dịch vụ) và đúng quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.
- Đã triển khai thực hiện phần mềm số hóa kho hồ sơ lưu trữ. Dự kiến trong năm 2025 sẽ hoàn tất triển khai scan số hóa toàn bộ kho hồ sơ lưu trữ. Hệ thống có liên kết với Hợp đồng điện tử, đảm bảo cho việc thuận tiện tra cứu, tìm kiếm hồ sơ. Đưa vào sử dụng ứng dụng quản lý công việc, chăm sóc khách hàng PHUWACO WORKS trên các thiết bị di động thông minh trên nền tảng Android, IOS nhằm đa dạng kênh thông tin trao đổi, tương tác, tìm kiếm thông tin, cập nhật công việc phục vụ khách hàng.
- Trong năm đã thực hiện thành lập trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước PWNOC trên nền tảng ArcGIS. Trung tâm là một hệ thống tập trung các chương trình phần mềm tiện ích dùng để điều hành mọi hoạt động của việc vận hành mạng lưới cấp nước; theo dõi, giám sát diễn biến các biến động về lưu lượng, áp lực, sự cố xảy ra trên mạng lưới, trạng thái đóng mở van, tình trạng

cung cấp nước cho khách hàng; vận hành và điều khiển từ xa các thiết bị thông minh trên mạng lưới; tự động tính toán, thống kê, truy xuất dữ liệu, báo cáo nhằm giúp chủ động trong các công tác cấp nước an toàn, giảm thất thoát nước và nâng cao phục vụ khách hàng phù hợp với thời đại chuyển đổi số hiện nay. Trung tâm vận hành mạng lưới cấp nước PWNOC sử dụng công nghệ GIS để vận hành và phát triển các ứng dụng để quản lý. Các chức năng trên trung tâm bao gồm:

- + Hệ thống GIS quản lý tài sản mạng lưới cấp nước.
- + Hệ thống GIS quản lý sự cố mạng lưới.
- + Hệ thống SCADA quản lý dữ liệu thiết bị vận hành giảm thất thoát nước.
- + Hệ thống GIS tính toán giảm thất thoát nước.
- + Hệ thống GIS vận hành và điều tiết mạng lưới cấp nước.
- + Dashboard thống kê số liệu sản xuất kinh doanh ...

3. Kết quả đầu tư xây dựng năm 2024:

Công ty đã thực hiện 35.072 triệu đồng giá trị khối lượng các dự án đầu tư xây dựng - mua sắm, đạt tỷ lệ 106,72% kế hoạch được giao, và thực hiện 34.542 triệu đồng giá trị giải ngân các dự án đầu tư xây dựng - mua sắm, đạt tỷ lệ 100,46% kế hoạch được giao.

4. Kết quả thực hiện kế hoạch giảm nước thất thoát năm 2024:

- Tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2024 đạt 5,6%, thấp hơn 6,9% so với kế hoạch năm 2024 là 12,5%, tăng 0,79% so thực hiện với năm 2023 (4,81%).
- Trong năm qua Công ty đã thực hiện nhiều công tác nhằm giảm thất thoát nước như:
 - + Tổng số điểm bể đã được sửa trong năm 2024 là 2.007 điểm bể, trong đó sửa 1.136 điểm bể nổi (chiếm tỷ lệ 56,6%) và sửa 871 điểm bể ngầm (chiếm tỷ lệ 43,4%).
 - + Gắn 16 bộ năng lượng mặt trời, vệ sinh toàn bộ 69 bộ năng lượng mặt trời trên hầm đồng hồ tổng.
 - + Sửa chữa kiểm định 24 đồng hồ ABB, thay 10 đồng hồ ABB.
 - + Thay 1 van giảm áp, thay pin cho 27 thiết bị mạng, thay 16 mặt hiển thị transmitter.
 - + Gắn 25 datalogger đồng hồ khách hàng cỡ lớn.
 - + Công ty duy trì công tác giám sát các đơn vị ngầm hóa lưới điện, viễn thông, nâng cấp đường, hầm để kịp thời sửa chữa khi có bể xảy ra. Công ty khuyến khích nhân viên và người dân thông báo đến công ty khi phát hiện điểm bể.
 - + Công ty tập trung tăng cường công tác đóng van bước và dò bể ngầm để nhanh chóng phát hiện và sửa chữa các điểm bể trong mạng lưới.

- Tăng cường công tác kiểm tra nhằm phát hiện, xử lý kịp thời và triệt để các trường hợp gian lận trong sử dụng nước, sử dụng nước bất hợp pháp.
- Kiểm tra và tiến hành bấm chì các trường hợp ĐHN có chì bị mục, đứt ...
- Thống kê những khu vực kinh doanh có tiêu thụ nước cao để tăng áp lực phù hợp nhằm tăng sản lượng tiêu thụ.
- Kiểm tra và cho nâng, dời, cải tạo ống nhánh ... đối với những ĐHN bị lắp, vị trí sai quy định, ống nhánh không đúng kỹ thuật, không đọc được chỉ số.
- Triển khai bấm chì ĐHN đối với khách hàng xin tạm ngưng sử dụng nước, mở nước khi khách hàng xin sử dụng lại.
- Sớm hoàn thành công tác ký Hợp đồng điện tử với khách hàng hiện hữu.
- Tiếp tục hoàn thiện rút gọn các quy trình thủ tục, cải cách hành chính trong việc phục vụ khách hàng. Hoàn thiện hệ thống tiếp nhận hồ sơ yêu cầu, khiếu nại trực tuyến, tương tác trực tuyến với khách hàng ... Hướng dẫn khách hàng cài đặt app Chăm sóc khách hàng của Tổng Công ty.
- Tiếp tục ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin vào mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm sóc khách hàng của Công ty.
- Tiếp tục tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn cho người lao động và người quản lý, nâng cao năng suất và hiệu quả công việc.
- Phát động các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

2. Về giảm nước thất thoát thất thu:

- Tập trung lực lượng dò bể những DMA có lượng nước thất thoát trên $120\text{m}^3/\text{ngày}$. Ưu tiên dò bể các tuyến đường, hẻm đang tồn tại các đoạn ống cũ, có tần suất bể cao.
- Đối với các DMA có tỷ lệ thất thoát lượng nước thất thoát dưới $120\text{m}^3/\text{ngày}$ thì theo dõi sản lượng đồng hồ thường xuyên để duy trì và kiểm hãm.
- Phân công các nhóm tăng cường công tác đóng van bước, thay phiên dò bể ban đêm kết hợp thám sát cống và kiểm tra lại vào ban ngày tại các khu vực của DMA đang có thất thoát cao để nhanh chóng xác định những điểm bể lớn.
- Phối hợp với các phường, quận để triển khai đồng bộ công tác sửa chữa giảm thất thoát nước đồng bộ với các công trình nâng cấp hẻm, nâng cấp đường.
- Phối hợp thường xuyên với Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch và các đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi sản lượng đồng hồ tổng mua bán sỉ nước sạch, kiểm tra hệ thống ống cấp 2 sau đồng hồ tổng mua bán sỉ nước sạch khi có sự cố.
- Kiểm tra, khắc phục các đồng hồ tổng DMA có sản lượng bất thường, tránh ảnh hưởng đến sản lượng đo đếm và lượng nước thất thoát trong DMA. Thí điểm đầu tư thiết bị DMA thông minh.
- Triển khai thí điểm gắn 1279 đồng hồ nước thông minh tại DMA 10K01.
- Thay ĐHN cỡ lớn bằng ĐHN điện tử, siêu âm; ưu tiên khách hàng lớn như: trường học, bệnh viện, chung cư,

- Duy tu, bảo dưỡng thường xuyên các đồng hồ tổng, thiết bị van giảm áp trên mạng lưới nhằm đáp ứng kịp thời công tác giảm thất thoát nước tại Công ty.
- Nhanh chóng giải quyết các đồng hồ DMA, các logger bị hư hỏng, tránh ảnh hưởng đến công tác theo dõi sản lượng, áp lực của Công ty.
- Lập kế hoạch thay thế các thiết bị đã sử dụng nhiều năm trên mạng.
- Xác định vòng đời của mạng lưới cấp nước trong lần đầu và những lần kế tiếp, xác định thất thoát nước kinh tế.
- Triển khai thực hiện các công trình xây dựng cơ bản theo kế hoạch năm 2025.
- Tiếp tục xây dựng và cập nhật thường xuyên phần mềm PhuwaGiS trong công tác quản lý mạng lưới, quản lý tài sản; cập nhật thông tin về sự cố trên mạng lưới cấp nước; phân loại và xác định nguyên nhân bể, vật liệu ống, năm lắp đặt, ... từ đó phân tích và có kế hoạch sửa chữa, cải tạo ống cũ mục kịp thời, có chọn lọc.
- Tiếp nhận thông tin phản ánh của khách hàng, xử lý, giải quyết trong thời gian nhanh nhất. Công ty sẽ thông báo đến khách hàng nhanh chóng và kịp thời về trường hợp cúp nước (qua Website, Zalo...) để khách hàng chủ động dự trữ nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất kinh doanh.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- CT.HĐQT Công ty;
- TB KS Công ty;
- P.KHĐT TCT;
- Lưu HC, KHĐT.

GIÁM ĐỐC



Dương Văn Hòa

Số : 153 /TTr-PHT-HĐQT

TPHCM, ngày 28 tháng 3 năm 2025.

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt.

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025 về việc Báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt kiểm toán, được Ban kiểm soát Công ty tiến hành thẩm tra thông qua và đã được Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân công bố thông tin theo quy định. Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bao gồm các nội dung như sau:

1. Báo cáo của Ban Giám đốc;
2. Báo cáo Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm 2024;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2024.

(Các nội dung chi tiết của Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán đã được đăng tải trên website: www.phuwaco.com.vn)

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch



Lê Thị Thanh Tâm

Số : 161 /BC-PHT-HĐQT

TPHCM, ngày 14 tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2024

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

ST T	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH NĂM 2024	THỰC HIỆN NĂM 2024	TỶ LỆ % TH/KH
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	33.000.000	33.053.498	100,16
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	414.200	421.529	101,77
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	19.777	21.395	108,18
4	Tỷ suất LNST trên vốn CSH	%	16,43	17,78	108,22
5	Mức cổ tức (đ/CP)	đồng	800	850	106,25

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Thị Thanh Tâm

Số: 162/TT-PHT-HĐQT

TPHCM, ngày 14 tháng 4 năm 2025.

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua kế hoạch tài chính năm 2025

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được Đại hội đồng Cổ đông chính thức thông qua;

Căn cứ báo cáo dự kiến Kế hoạch tài chính năm 2025 số 310/KH-PHT-KTTC ngày 19/3/2025 của Ban điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình trước Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua các chỉ tiêu Kế hoạch tài chính năm 2025 như sau:

STT	CHỈ TIÊU	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2024	KẾ HOẠCH NĂM 2025	TỶ LỆ % KH/TH
			1	2	3=2/1
1	Sản lượng nước tiêu thụ	m3	33.053.498	33.300.000	100,75
2	Tổng doanh thu	Tr.đồng	421.529	411.265	97,56
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	21.395	21.580	100,86
4	Tỷ suất LNST trên vốn CSH	Tr.đồng	17,78	17,80	100,11
5	Mức cổ tức (đ/CP)	đồng	850	850	100,00

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Thị Thanh Tâm

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chia cổ tức năm 2024

Kính gửi : Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2025.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân được Đại hội đồng Cổ đông chính thức thông qua;

Căn cứ Báo cáo dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2024 số 311/PHT-KTTC ngày 19/3/2025 của Ban điều hành Công ty.

Hội đồng Quản trị kính trình trước Đại hội đồng Cổ đông về việc thông qua nội dung phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2024 như sau:

STT	Các chỉ tiêu	Thành tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2024:	21.774.230.040	100,00
-	Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2023: (*)	379.171.458	1,74
-	Lợi nhuận sau thuế năm 2024	21.395.058.582	98,26
2	Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024:		-
a	Chia cổ tức năm 2024:	7.650.000.000	35,13
-	Tỷ lệ chia cổ tức bằng tiền	8,50%	
-	Chia cổ tức	7.650.000.000	
b	Trích lập các quỹ :	14.124.230.040	64,87
-	Quỹ đầu tư phát triển (**)	882.787.920	4,05
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	12.852.642.120	59,03
-	Quỹ thưởng người quản lý	388.800.000	1,79
3	Tổng lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi phân phối: (3=2-1)	-	-

Ghi chú:

(*) Chỉ tiêu lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2023 là 379.171.458 đồng là do thực hiện điều chỉnh hồi tố tiếp theo kết quả Kiểm toán Nhà nước tại thông báo số 24/TB-KV IV ngày 11/11/2024.

(**) Chỉ tiêu Quỹ đầu tư phát triển số tiền 882.787.920 đồng tương đương số tiền thuê đất năm 2023 Công ty được giảm.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch



Lê Thị Thanh Tâm



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 144 /BC-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2024 & PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Hội đồng quản trị (HĐQT) nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm. Bà Lê Thị Thanh Tâm, giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT, các thành viên: Ông Dương Văn Hòa kiêm Giám đốc, Ông Nguyễn Thanh Sử, Ông Vương Vũ, Ông Lê Hoàng Sơn và Ông Võ Tấn Bảo Quang.

Các thành viên HĐQT đã nỗ lực thực hiện tốt công tác quản lý, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

HĐQT xin báo cáo Đại hội kết quả hoạt động quản trị năm 2024 như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2024:

Năm 2024, các hoạt động kinh tế xã hội trên địa bàn Thành phố tiếp tục đà phục hồi và duy trì mức ổn định. Tuy nhiên, Công ty không thể phát triển thêm khách hàng do tỷ lệ 100% hộ dân được cấp nước sạch trên địa bàn quản lý, vì vậy ít nhiều tác động đến chỉ tiêu sản lượng nước tiêu thụ.

Trong bối cảnh trên, để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua là một sự phấn đấu đối với Ban quản lý, Ban Điều hành cùng tập thể người lao động Công ty. Với tinh thần luôn chủ động, nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và toàn thể người lao động, cùng những giải pháp hiệu quả, cách làm hay đã giúp cho Công ty hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị. Kết quả thực hiện cuối năm, tất cả các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính Công ty đều đạt và vượt kế hoạch đề ra. Từ những kết quả đạt được như trên, Công ty sẽ trình Đại hội đồng cổ đông trả cổ tức năm 2024 là 850 đồng/cổ phiếu đạt 106,25% kế hoạch.

1. Lãnh đạo thực hiện các chỉ tiêu:

- Sản lượng nước cung cấp: đạt 100,16% so với kế hoạch, giảm 0,80% so với năm 2023.
- Doanh thu tiền nước: đạt 100,87% so với kế hoạch, tăng 0,45% so với năm 2023.
- Tỷ lệ thất thoát nước cuối năm 2024: 5,60%, giảm 6,90% so với kế hoạch; tăng 0,79% so với thực hiện năm 2023.
- Tổng doanh thu: đạt 101,77% so với kế hoạch, tăng 1,93% so với năm 2023.
- Lợi nhuận sau thuế: đạt 108,18% so với kế hoạch, tăng 9,17% so với năm 2023.
- Tỷ lệ chia cổ tức dự kiến: 850 đồng/cổ phiếu đạt 106,25% so với kế hoạch

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

2.1 Cơ cấu và hoạt động của HĐQT:

HĐQT có tổng cộng 6 người, gồm 1 Chủ tịch chuyên trách và 5 thành viên kiêm nhiệm, trong đó:

- + 05 thành viên là đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- + 01 thành viên là đại diện vốn góp của Ngân hàng TMCP Đông Á.
- + Số thành viên HĐQT không điều hành: 4 người.

2.2 Giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành:

- HĐQT thường xuyên nhận được báo cáo và chỉ đạo việc rà soát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính và định hướng thực hiện kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty. Định hướng Ban giám đốc trong công tác quản lý điều hành cũng như phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty, đảm bảo tuân thủ các quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các Quy định pháp luật hiện hành. Từng quý, Ban Giám đốc báo cáo kết quả công việc:

- + Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch ĐHCĐ đề ra.
- + Thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT đã ban hành.
- + Chủ động xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, đề ra những biện pháp, giải pháp tích cực để thực hiện tốt nhất nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- Chỉ đạo và giám sát công tác công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Chỉ đạo và giám sát việc tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- HĐQT đánh giá Ban điều hành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

2.3 Các phiên họp và việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT:

Hoạt động của HĐQT trong năm 2024 đảm bảo tuân thủ theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty đã ban hành và các quy định khác của pháp luật trong việc quản lý, điều hành đơn vị.

Trong năm 2024, HĐQT đã chỉ đạo quản lý hoạt động của Công ty thông qua 04 phiên họp HĐQT để ban hành 15 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến công tác quản lý thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT ban hành đều có sự thống nhất cao, cung cấp đầy đủ kịp thời cho Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc.

Các phiên họp được thực hiện theo đúng thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan, đúng Quy chế Quản trị nội bộ Công ty và có sự giám sát của Ban Kiểm soát Công ty. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết đều nhận được sự nhất trí cao của các thành viên HĐQT.

Nội dung chủ yếu của các phiên họp HĐQT gồm:

- Báo cáo SXKD, tài chính thực hiện hàng quý, 6 tháng, năm; Các chỉ tiêu kế hoạch.
- Các nội dung liên quan đến hợp đồng mua bán sỉ nước sạch giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
- Các nội dung liên quan đến việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Các nội dung liên quan đến lương, thưởng, phúc lợi người lao động.
- Các nội dung liên quan đến công tác quản lý, điều hành khác.

2.4 Tiền lương, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT năm 2024:

Chế độ tiền lương, thù lao HĐQT được thực hiện theo quy định tại Nghị định 53/2016/NĐ-CP và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH về thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước. Các khoản thù lao, tiền thưởng, phúc lợi khác được thực hiện theo quy định của Công ty (và được báo cáo chi tiết tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán).

II. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025:

Năm 2025, kinh tế Thành phố được dự đoán tiếp tục duy trì ổn định, dù khó khăn, thách thức vẫn còn. Đây cũng là tín hiệu khả quan và thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025 trên cơ sở kết quả đã đạt được trong năm 2024.

Vì vậy, HĐQT đề ra các mục tiêu sau:

- Phối hợp chỉ đạo, hỗ trợ Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2025 được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn, công tác giảm nước thất thoát, tập trung xây dựng tỷ lệ thất thoát nước kinh tế đảm bảo vốn đầu tư hợp lý.
- Tiếp tục lãnh đạo triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025. Trong đó, khai thác tối ưu hóa tiện ích của Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước (PWNOC).
- Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.

Trên cơ sở định hướng phát triển Công ty và mục tiêu trên, HĐQT Công ty đã đề ra 03 công tác trọng tâm của năm 2025, cụ thể như sau:

1. Tăng cường quản lý hệ thống mạng lưới cấp nước và nâng cao chất lượng nước thông qua Trung tâm Vận hành Mạng lưới Cấp nước:

Tối ưu hóa các thiết bị thông minh trên mạng lưới cấp nước. Quản lý tốt áp lực nước, chất lượng nước cung cấp ổn định và liên tục trên toàn hệ thống góp phần tăng sản lượng nước tiêu thụ, tăng doanh thu.

Thực hiện đầu tư đạt hiệu quả cao nhất cho công tác giảm thất thoát nước. Tập trung xây dựng tỷ lệ thất thoát nước kinh tế.

2. Cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước, phục vụ khách hàng:

Duy trì 100% hộ dân được cung cấp nước sạch và bảo đảm mọi khách hàng có nhu cầu gần ĐHN đều được đáp ứng. Đồng thời, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng

phục vụ khách hàng và giữ vững mục tiêu cấp nước liên tục, an toàn đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của cộng đồng.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động:

Tích cực phát huy tối đa tính sáng tạo của từng cán bộ, người lao động, áp dụng kỹ thuật công nghệ thông qua việc đầu tư, triển khai thực hiện hiệu quả việc số hóa/áp dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động SXKD của Công ty giai đoạn 2021 – 2025.

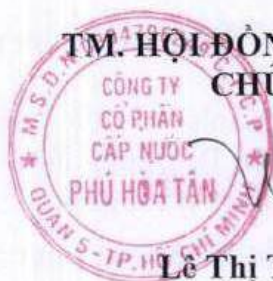
Tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên việc thực hiện kế hoạch SXKD. Đồng thời, hỗ trợ Ban Điều hành Công ty tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để quyết định và xử lý kịp thời những vấn đề phục vụ cho sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

HĐQT Công ty mong muốn tiếp tục nhận được sự tin tưởng và gắn bó của Quý cổ đông, góp phần vào sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

Trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- TV HĐQT, BKS, BGĐ;
- Cổ đông;
- Lưu: TK. 

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Lê Thị Thanh Tâm

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024
VÀ ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2025

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 25 tháng 5 năm 2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 105/NQ-PHT-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động Ban Kiểm soát, kết quả hoạt động kinh doanh Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân (gọi tắt là Công ty) năm 2024, định hướng hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát

1. Cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát gồm có 03 thành viên, trong đó

- Ông Nguyễn Minh Đạt, Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông Lê Trọng Thành, Thành viên BKS
- Bà Phạm Thị Phương Linh, Thành viên BKS

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024

Căn cứ quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát hoạt động quản trị kinh doanh và điều hành của Công ty, đã triển khai thực hiện các nội dung công việc chủ yếu như sau:

- Kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Kiểm tra, giám sát và đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý.

- Kiểm tra và giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm.

- Thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm.

- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch

cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.

- Kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại Công ty, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán.

II. Kết quả giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả tài chính của Công ty năm 2024

Ban Kiểm soát đã kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty, thống nhất với Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2024, cụ thể như sau:

• Chỉ tiêu kinh doanh nước sạch

Kinh doanh nước sạch	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH24/KH24
Sản lượng nước cung cấp	1.000 m ³	33.317	33.000	33.053	100,16%
Doanh thu tiền nước	tr.đồng	395.130	398.400	397.150	99,69%
Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch	%	100	100	100	100%
Tỷ lệ thất thoát nước bình quân	%	5,11	12,5	5,95	Thấp hơn 6,55%

- Kết quả kinh doanh Công ty đạt được chủ yếu từ hoạt động kinh doanh cung cấp nước sạch cho khách hàng trên địa bàn Quận 10, Quận 11 và Phú Trung – Quận Tân Phú.

- Sản lượng nước tiêu thụ năm 2024 thực hiện đạt 33,053 triệu m³, tăng 100,16% so với kế hoạch năm 2024 tương đương 53 ngàn m³.

- Doanh thu tiền nước thực hiện 397.150 triệu đồng, đạt 99,69% kế hoạch năm 2024, so với thực hiện năm 2023 là 395.130 triệu đồng.

- Tỷ lệ hộ dân được cung cấp nước sạch đạt tỷ lệ 100%, địa bàn mạng lưới đã phủ kín.

- Độ dài đường ống phân phối 423 km với hệ thống DMA đã hoàn chỉnh, van điều tiết áp lực được vận hành tốt nên tỷ lệ thất thoát nước bình quân năm 2024 giảm sâu đạt 5,95%.

• Kết quả về một số chỉ tiêu tài chính trọng yếu

Tài chính	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ TH24/KH24
Tổng doanh thu	tr.đồng	413.536	414.200	421.529	101,77%
Tổng chi phí	tr.đồng	387.621	388.200	392.877	101,20%
LN trước thuế	tr.đồng	25.915	26.000	28.652	110,20%
LN sau thuế	tr.đồng	19.598	19.777	21.395	108,18%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH BQ	%	16,37%	16,43%	17,78%	108,20%
Cổ tức	đồng/cp	800	800	850	106,25%

- Tổng doanh thu năm 2024 đạt 421.529 tr.đồng (bao gồm từ hoạt động kinh doanh nước sạch, truy thu định mức nước, giá nước: 412.476 tr.đồng; vật tư ĐHN là 3.390 tr.đồng) đạt 101,77% kế hoạch năm 2024 và bằng 101,93% so với cùng kỳ 2023.

- Tổng chi phí Công ty thực hiện đạt 101,20% so với kế hoạch năm 2024, tương đương 392.877 tr.đồng, bằng 101,35% so với thực hiện năm 2023 là 387.621 tr.đồng.

- Kết quả lợi nhuận trước thuế năm 2024 Công ty thực hiện đạt 28.652 tr.đồng, đạt 110,20% kế hoạch năm 2024, đạt 110,56% so với thực hiện năm 2023 là 25.915 tr.đồng.

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2024 là 7.257 tr.đồng tương đương 116,62% kế hoạch năm 2024, so với thực hiện năm 2023 là 6,317 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế năm 2024 của Công ty đạt 21.395 tr.đồng đạt 108,18% kế hoạch năm, bằng 109,16% lợi nhuận sau thuế của năm 2023 là 19.598 tr.đồng.

- Nhìn chung, mọi mặt hoạt động về kinh doanh và tài chính của Công ty đều hoàn thành vượt kế hoạch đề ra, duy trì sự tăng trưởng đều so với cùng kỳ các năm trước.

• **Kết quả bản cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024**

TÀI SẢN	Số cuối năm	Số cuối năm
1	2	3
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	143.399.827.534	135.673.504.947
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	54.078.806.971	47.311.613.787
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.998.470.915	65.224.475.542
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	12.789.140.522	8.100.301.452
4. Hàng tồn kho	17.405.214.067	13.873.557.630
5. Tài sản ngắn hạn khác	4.128.195.059	1.163.556.536
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	101.693.401.602	76.603.262.042
II. Tài sản cố định	100.228.679.314	75.726.096.875
1. Tài sản cố định hữu hình	95.960.679.772	73.603.318.548
3. Tài sản cố định vô hình	4.267.999.542	2.122.778.327
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1.464.722.288	877.165.167
VI. Tài sản dài hạn khác	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	245.093.229.136	212.276.766.989
NGUỒN VỐN	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	102.745.849.256	78.927.336.294
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	142.347.379.880	133.349.430.695
I. Vốn chủ sở hữu	142.347.379.880	133.349.430.695
1. Vốn góp của chủ sở hữu	90.000.000.000	90.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	90.000.000.000	90.000.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	30.573.149.840	29.697.617.711
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	21.774.230.040	13.651.812.984
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	379.171.458	(5.946.623.143)
- LNST chưa phân phối kỳ này	21.395.058.582	19.598.436.127
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	245.093.229.136	212.276.766.989

• **Chỉ số về tài chính cơ bản**

Chỉ số tài chính cơ bản		Kỳ này	Kỳ trước
<u>Khả năng thanh toán</u>			
<i>Khả năng thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng TK)/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>Lần</i>	1,22	1,54
<i>Khả năng thanh toán nợ đến hạn (TS ngắn hạn / Nợ ngắn hạn)</i>	<i>Lần</i>	1,38	1,72
<u>Tỷ suất lợi nhuận</u>			

<i>TS lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH BQ (ROE)</i>	%	17,78	16,37
<i>TS lợi nhuận sau thuế/Doanh thu</i>		5,14	4,74
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản</i>	%	8,72	9,23
<i>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS)</i>	đồng/cp	2.374	2.178

- Hệ số bảo toàn vốn tại ngày 31/12/2024 là 1 lần. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi và bảo toàn được vốn chủ sở hữu.

- Tại thời điểm 31/12/2024, hệ số thanh toán nhanh 1,22 lần, hệ số thanh toán nợ đến hạn đạt 1,38 lần, các hệ số này thể hiện tình hình tài chính Công ty lành mạnh, an toàn.

- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên VCSH bình quân là 17,78%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu là 5,14%, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản là 8,72%. Các chỉ số này cho thấy Công ty đang hoạt động ổn định và hiệu quả.

2. Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức

- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức như sau:

NỘI DUNG	THỰC HIỆN NĂM 2023 (sau khi hồi tố)	PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN NĂM 2024
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	14.030.984.442	21.774.230.040
LNST chưa phân phối năm trước*	(5.946.623.143)	379.171.458
LNST năm nay	19.777.607.585	21.395.058.582
LỢI NHUẬN PHÂN PHỐI	13.651.812.984	21.774.230.040
Chia cổ tức	7.200.000.000	7.650.000.000
Trích lập các quỹ	6.451.812.984	14.124.230.040
Quỹ đầu tư phát triển	875.532.129	882.787.920
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.187.480.855	12.852.642.120
Quỹ thưởng NQL	388.800.000	388.800.000
LN chưa phân phối*	379.171.458	-

(Năm 2023, Công ty thực hiện điều chỉnh số kế toán và BCTC theo kiến nghị của KTTN điều chỉnh tăng khoản mục thu nhập khác theo TB số 24/TB-KV IV ngày 11/11/2024)

- Lợi nhuận phân phối dự kiến thực hiện năm 2024 của Công ty là 21.774 tr.đồng cao hơn so với năm 2023 là 13.651 tr.đồng.

- Lợi nhuận chưa phân phối năm trước 379.171.458 đồng khoản thu nhập khác nhận từ bồi thường hệ thống nước hiện hữu thuộc Dự án của BQL DA ĐTXD Quận 11 được điều chỉnh hồi tố theo kiến nghị của KTTN.

- Mức chia cổ tức năm 2024 là 7.650 tr.đồng tương đương 850đ/cp, đạt 106,25% so với năm 2023 là 7.200 tr.đồng.

- Công ty trình phương án trích lập Quỹ đầu tư phát triển số tiền 882.787.920 đồng (là khoản tiền thuê đất được Chính phủ miễn giảm theo Quyết định số 5246/QĐ-CTTPHCM ngày 28/11/2024 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh).

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi đề nghị 12.852 tr.đồng, so với cùng kỳ năm 2023 là 5.187 tr.đồng.

- Quỹ thưởng người quản lý là 388.8 tr.đồng bằng với số thực hiện năm 2023.

3. Công tác quản lý, đầu tư tài sản và xây dựng cơ bản

- Công tác đầu tư của Công ty đã được triển khai theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ của Công ty. Các dự án đầu tư XD CB, mua sắm TSCĐ sau khi bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao TSCĐ.

- Trong năm, Công ty ghi nhận phát sinh tăng tài sản cố định hữu hình 22.357 tr.đồng, tài sản cố định vô hình với số tiền 2.14 tr.đồng chủ yếu từ việc mua sắm phương tiện vận tải, thiết bị đo lường, nghiệm thu công trình hoàn thành và các chương trình phần mềm.

4. Thực hiện lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập

- Thực hiện theo Khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết số 105/NQ-PHT-HĐQT ngày 22/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, Công ty đã ký và công bố thông tin Hợp đồng kiểm toán số 2096/24/AUD.VVALUES ngày 23/5/2024 với Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt để kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

5. Ý của Kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty

- Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2024 đã được Công ty đăng tải, công bố thông tin trên trang tin điện tử <https://phuwaco.com.vn>, theo đó,

“Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính”.

III. Kết quả giám sát Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

- Công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2024 nhìn chung đã tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp luật có liên quan.

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức 4 cuộc họp, tổ chức lấy ý kiến, ban hành các văn bản, thực hiện đầy đủ các quyền và trách nhiệm trong quản lý Công ty, xây dựng Chương trình làm việc, chỉ đạo quyết liệt bằng những giải pháp cụ thể, hỗ trợ tạo điều kiện để Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của mình.

- Ban Giám đốc và người quản lý khác của doanh nghiệp luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, nhận diện và phân tích kịp thời các khó khăn, thách thức đối với các hoạt động của Công ty. Nỗ lực trong việc phát triển theo chiều sâu, nâng cao hiệu quả quản lý, lãnh đạo Công ty hoàn thành vượt kế hoạch kinh doanh năm 2024.

0479
CÔNG
CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC
PHÚ HÒA TÂN

TP. HCM

IV. Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm soát và Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty

- Ban Kiểm soát phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty và Cổ đông theo đúng Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

- Ban Kiểm soát phối hợp Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc đã tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình. Cung cấp đầy đủ thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động Công ty; đã mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và những cuộc họp quan trọng khác của Công ty.

- Trong năm 2024, Ban Kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có tỷ lệ sở hữu 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

V. Đánh giá hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2024

1. Về hoạt động chung

- Ban Kiểm soát nghiêm túc thực hiện theo các nội dung trong Kế hoạch hoạt động năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua: bám sát Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch hoạt động và tình hình thực tế, thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- Ban Kiểm soát tham gia đầy đủ các phiên họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình đầu tư và tham gia đóng góp ý kiến, đưa ra kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của mình.

- Thành viên Ban Kiểm soát làm việc với tinh thần trách nhiệm cao theo nguyên tắc độc lập, cẩn trọng vì lợi ích của cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

- Trong năm, Ban Kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp. Tất cả các cuộc họp đều đạt chất lượng, 100% thành viên tham dự cuộc họp thống nhất thông qua các nội dung chủ yếu về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Kiểm soát

Nội dung các cuộc họp Ban Kiểm soát:

<i>Stt</i>	<i>Biên bản họp</i>	<i>Ngày</i>	<i>Nội dung</i>	<i>Thành viên dự họp</i>
01	01-24/BB-BKS-PHT	14/3/2024	Kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu SXKD Quý I/2024. Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	03/03
02	02-24/BB-BKS-PHT	19/8/2024	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý II và 6 tháng đầu 2024. BCTC 6 tháng năm 2024	03/03
03	03-24/BB-BKS-PHT	03/12/2024	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý III và 10 tháng năm 2024	03/03
04	04-24/BB-BKS-PHT	24/03/2025	Kiểm tra, đánh giá chỉ tiêu SXKD Quý IV và của năm 2024. BCTC, KH Phân phối lợi nhuận năm 2024	03/03

2. Tiền lương và thù lao của BKS

- Thù lao năm 2024 của thành viên BKS được thực hiện dựa trên cơ sở Nghị quyết số 105/NQ-PHT-ĐHĐCĐ ngày 22/4/2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

- Tiền thù lao của thành viên BKS không chuyên trách theo thực hiện năm 2024 là 4 triệu đồng/người/tháng, tiền lương của Trưởng BKS chuyên trách được xây dựng và chi trả theo Thông tư 28/TT-BLĐTBXH và Nghị quyết của Công ty.

3. Đánh giá về giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan và Công ty mẹ

- Trong năm 2024, Công ty có phát sinh các giao dịch giữa các bên có liên quan và Công ty mẹ. Các giao dịch này được công bố thông tin đầy đủ, tuân thủ các quy định hiện hành và đảm bảo đúng lợi ích của cổ đông.

- * *Hợp đồng chuyển nhượng vật tư ngành nước số 1854/HĐ-TCT-KHĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 trị giá 1.112 tr.đồng.*
- * *Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2024 số 2989/HĐ-TCT-KDDVKH ngày 20 tháng 5 năm 2024, đính kèm Bản thỏa thuận năm 2024 với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên.*
- * *Hợp đồng đào tạo số 2646/HĐ-TCT-TTBD ngày 07 tháng 5 năm 2024, trị giá 8 tr.đồng, về việc đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ cấp nước.*

VI. Kết luận và Kiến nghị

- Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty, phương hướng và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2025 của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Ban Giám đốc tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025. Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024, Kế hoạch tài chính năm 2025 của Công ty và thông qua kế hoạch hoạt động năm 2025 của Ban Kiểm soát.

- Để hoàn thành tốt các nhiệm vụ năm 2025, Ban Kiểm soát có một số khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc như sau:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác cấp nước an toàn.
- Đảm bảo mục tiêu tăng sản lượng nước cung cấp cho khách hàng trên địa bàn.
- Nâng cao hiệu quả trong việc quản lý dòng tiền, thực hiện tốt công tác thu tiền nước tăng cường biện pháp cưỡng chế đối với các trường hợp nợ tiền nước quá hạn qua nhiều kỳ.
- Về quản lý chi phí, tiếp tục kiểm soát chặt chẽ các khoản chi phí đầu vào đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

VII. Kế hoạch hoạt động năm 2025

- Thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 trong đó tập trung kiểm tra/giám sát các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ và các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính.
4. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
5. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm.
6. Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại đơn vị.
8. Xây dựng Kế hoạch hoạt động năm 2026 của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và tổ chức thực hiện.
9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
10. Thực hiện các công việc khác của Ban Kiểm soát theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và các quy định hiện hành.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty, Ban Kiểm soát kính đề trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 thông qua.

Trân trọng./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Minh Đạt



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 031 /TTr-PHT-BKS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 3 năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết về việc thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-PHT-HDQT ngày 12/4/2021.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua:

1. Chấp thuận danh sách đề xuất 03 đơn vị kiểm toán độc lập, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt;
- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

2. Chấp thuận chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt chính thức là đơn vị thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân – đính kèm Dự thảo Hợp đồng;

3. Ủy quyền cho HĐQT chọn 01 trong 02 đơn vị kiểm toán độc lập còn lại tại mục (1) nêu trên, thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty năm 2025 trong trường hợp vì lý do hay điều kiện khách quan mà Công ty không thể ký kết Hợp đồng kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 với đơn vị kiểm toán độc lập được chọn tại mục (2).

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các TV BKS;
- Lưu.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Minh Đạt

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

Số: /25/AUD.VVALUES

HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN

V/v: soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 3 năm 2011;
- Căn cứ vào Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;
- Thực hiện Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng Kiểm toán;
- Căn cứ theo yêu cầu của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân về việc soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Hai bên gồm:

Bên A : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN

(Dưới đây gọi tắt là Bên A)

Đại diện là Ông : **DƯƠNG VĂN HÒA**

Chức vụ : Giám đốc

Điện thoại : +84 (28) 38 558 410

Fax : +84 (28) 3955 5282

Địa chỉ : 86 Tân Hưng, phường 12, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0304796249

Tài khoản : 007.100.242.3478 Ngân hàng Ngoại Thương – Chi nhánh Quận 5.

Bên B : CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN CHUẨN VIỆT

Công ty Thành viên của JPA International

(Dưới đây gọi tắt là Bên B)

Đại diện là : **NGUYỄN THANH SANG**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Email : thahsang@vietvalues.com

Điện thoại : +84 (28) 3859 4168 – 3859 2285

Địa chỉ : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0303128175

Tài khoản : 1401 14851 034 725 tại Eximbank, Chi nhánh Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh.

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ soát xét và kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân, chi tiết như sau:

1. Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày;
2. Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Cuộc kiểm toán của Bên B được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Việc kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Bên A thông báo cho Bên B để Bên B sắp xếp nhân sự và lập kế hoạch kiểm toán.

Bên B sẽ kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

ĐIỀU 2: TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN

2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Dịch vụ soát xét và kiểm toán của Bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm:

- (a) Đối với việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày Báo cáo tài chính được áp dụng;
- (b) Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- (c) Đảm bảo cung cấp kịp thời cho Bên B:
 - (i) Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà Ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;
 - (ii) Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;
 - (iii) Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với Bên B trong quá trình kiểm toán.
- (d) Tuân thủ kế hoạch kiểm toán do Bên B đề xuất mà Bên A đã đồng ý.

Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị”, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc của Bên A trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do Bên B phát hiện và tổng

hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

Tạo điều kiện thuận tiện cho các nhân viên của Bên B trong quá trình làm việc tại Văn phòng của Bên A.

Thanh toán đầy đủ phí dịch vụ kiểm toán và các phí khác (nếu có) cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định Bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, Bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho Bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán.

Bên B thực hiện công việc kiểm toán theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của Bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được Bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu Bên A xác nhận các giải trình đã cung cấp cho Bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán. Theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị của Bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để Bên B đưa ra ý kiến của mình về Báo cáo tài chính của Bên A.

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Để đánh giá rủi ro, Bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà Bên A sử dụng trong quá trình lập Báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của Bên A. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo tới Bên A bằng văn bản về các khiếm khuyết nghiêm trọng trong kiểm soát nội bộ mà Bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán Báo cáo tài chính.

ĐIỀU 3: BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Sau khi hoàn thành cuộc kiểm toán, Bên B sẽ cung cấp cho Bên A:

- Báo cáo kiểm toán kèm theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được phát hành 10 (mười) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 08 (tám) bộ
 - + Bên B: 02 (hai) bộ

Báo cáo kiểm toán sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Luật Kiểm toán độc lập, Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 700, 705, 706 và các chuẩn mực kiểm toán và quy định pháp lý khác có liên quan.

- Thư quản lý (nếu có) sẽ đề cập đến những điểm thiếu sót cần khắc phục và ý kiến đề xuất của kiểm toán viên nhằm góp phần hoàn thiện hệ thống quản lý tài chính kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của Bên A. Thư quản lý (nếu có) được phát hành 02 (hai) bộ tiếng Việt:
 - + Bên A: 01 (một) bộ
 - + Bên B: 01 (một) bộ

Nếu Bên A có nhu cầu tăng thêm về số lượng Báo cáo, phần báo cáo in ấn thêm được thanh toán theo chi phí in ấn thực tế.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành Báo cáo kiểm toán của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được kiểm toán, Ban Giám đốc của Bên A đồng ý rằng họ sẽ cung cấp cho Bên B một bản của tài liệu này và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

ĐIỀU 4: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1 Phí dịch vụ

Tổng phí dịch vụ cho các dịch vụ nêu tại Điều 1 là: **60.500.000 đồng (Bằng chữ: Sáu mươi triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn).**

Phí dịch vụ **chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng** nhưng đã bao gồm các chi phí đi lại, ăn ở và phụ phí khác.

4.2 Phương thức thanh toán

- Phí kiểm toán sẽ được thanh toán bằng chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Bên B.
- Bên A sẽ tạm ứng cho Bên B 50% tổng phí dịch vụ (*chưa bao gồm Thuế Giá trị gia tăng*) trong vòng 05 (năm) ngày kể từ khi hợp đồng được ký kết, số tiền còn lại (*bao gồm Thuế Giá trị gia tăng theo quy định hiện hành*) Bên A sẽ thanh toán dứt điểm một lần ngay sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ kiểm toán và dự thảo Báo cáo kiểm toán đã được Bên A ký chấp nhận.
- Bên B sẽ phát hành Hóa đơn GTGT cho Bên A khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ, phù hợp với quy định của pháp luật thuế hiện hành.

ĐIỀU 5: CAM KẾT THỰC HIỆN

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi, tìm giải pháp thích hợp. Mọi thông tin phải được thông báo trực tiếp cho mỗi bên bằng văn bản (hoặc qua email) theo địa chỉ đã ghi trên đây.

Thời gian kiểm toán dự kiến như sau:

- | | |
|--|--|
| ➤ Thực hiện kiểm tra, soát xét Báo cáo tài chính
6 tháng đầu năm 2025 | : 03 ~ 05 ngày làm việc. |
| ➤ Tham gia chứng kiến kiểm kê (nếu có) | : ngày 31/12/2025 (hoặc theo kế hoạch kiểm kê của Quý Công ty) . |
| ➤ Kiểm toán chính thức cho năm 2025 | : 03 ~ 05 ngày làm việc. |
| ➤ Tổng hợp và phát hành dự thảo báo cáo | : 10 ~ 15 ngày làm việc. |
| ➤ Phát hành báo cáo kiểm toán năm 2025 chính thức | : 02 ngày sau khi nhận được ý kiến đồng ý của Bên A về số liệu và nội dung báo cáo dự thảo đã gửi. |

Thời gian này dựa trên cơ sở Bên A cung cấp đầy đủ và đồng bộ hồ sơ, tài liệu chứng từ kế toán có liên quan đến cuộc kiểm toán.

ĐIỀU 6: HỦY HỢP ĐỒNG

Nếu Bên A hủy hợp đồng này do lỗi của Bên A, Bên B có quyền phát hành hóa đơn yêu cầu Bên A thanh toán khoản phí nhằm bù đắp thời gian thực tế phát sinh do thực hiện hợp đồng cho đến ngày hợp đồng bị hủy.

ĐIỀU 7: THỦ TỤC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Bất kỳ mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay bất đồng phát sinh giữa các bên liên quan trong hợp đồng này hoặc vi phạm hợp đồng thì trước hết sẽ được hai bên giải quyết trên tinh thần hòa giải. Trường hợp hòa giải không thành thì việc tranh chấp đó sẽ được đưa ra Tòa Kinh tế do hai bên lựa chọn. Phán quyết của tòa án sẽ được xem là quyết định cuối cùng và có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các bên tham gia ký kết hợp đồng.

ĐIỀU 8: HIỆU LỰC, NGÔN NGỮ VÀ THỜI HẠN HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu lực sau khi hai bên đã ký kết và có đầy đủ con dấu của hai bên.
- Hợp đồng này có giá trị thực hiện cho đến khi thanh lý hợp đồng hoặc hai bên cùng nhất trí hủy bỏ hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 05 (năm) bản chính bằng tiếng Việt, Bên A giữ 03 (ba) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau.
- Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi Bên A và Bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

Đại diện Bên B
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
& TƯ VẤN CHUẨN VIỆT (VIETVALUES[®])
TỔNG GIÁM ĐỐC

Đại diện Bên A
CÔNG TY CỔ PHẦN
CÁP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THANH SANG

DƯƠNG VĂN HÒA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Số: 141/TTTr-PHT-HĐQT

TỜ TRÌNH

*V/v Báo cáo Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện Người quản lý năm 2024,
Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2025*

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 và Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của nhà nước;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP CN Phú Hòa Tân ban hành kèm theo Quyết định số 199/QĐ-PHT-HĐQT ngày 12/4/2021;

Hội đồng quản trị xin báo cáo về tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Người quản lý (gồm: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành) năm 2024 và trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông về tổng thù lao kế hoạch năm 2025 của Người quản lý như sau:

I./ Báo cáo tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý năm 2024:

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2024: **3.626.400.000** đồng. Gồm:

1. Tổng quỹ lương Người quản lý chuyên trách: 3.110.400.000 đồng.
2. Tổng thù lao của Người quản lý không chuyên trách: 516.000.000 đồng.
(chi tiết cụ thể được nêu trong Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán)

II./ Kế hoạch thù lao người quản lý không chuyên trách năm 2025:

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua tổng thù lao kế hoạch năm 2025 Người quản lý không chuyên trách, như mức thực hiện năm 2024, với số tiền: 516 triệu đồng. Cụ thể:

- + Thành viên Hội đồng quản trị: 7.000.000 đồng/người/tháng
- + Thành viên Ban kiểm soát: 4.000.000 đồng/người/tháng

Ngoài ra, các khoản chi phí khác cho hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát sẽ được hạch toán theo thực tế.

Cuối năm, căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính thực tế và quy định nhà nước về tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có vốn góp của nhà nước chi phối, Công ty sẽ quyết toán tổng quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định.

Kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua kế hoạch thù lao năm 2025 của người quản lý Công ty nêu trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: TK.



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 3 năm 2025

Số: 142 /TTr-PHT-HĐQT

TỜ TRÌNH

V/v Chấp thuận dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025, Bản thỏa thuận với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHHMTV (Công ty mẹ).

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 quy định Đại hội đồng cổ đông có thẩm quyền quyết định đối với các Hợp đồng, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

Căn cứ Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025, Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHHMTV (Công ty mẹ).

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

1. Chấp thuận Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch năm 2025 và Bản thỏa thuận giữa Công ty với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – đính kèm Dự thảo Hợp đồng và Bản thỏa thuận.
2. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xem xét, thông qua các Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trong trường hợp có sự thay đổi về các điều khoản trong Dự thảo Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch và Bản thỏa thuận nêu trên.
3. Sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị (trên cơ sở lấy ý kiến của cổ đông/ thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan), giao cho Giám đốc Công ty ký kết các Hợp đồng, Bản thỏa thuận, các phụ lục điều chỉnh Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
4. Thời gian ủy quyền: cho đến ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông liên kế tiếp theo.

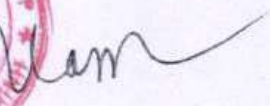
Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: TK. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**


Lê Thị Thanh Tâm

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

HỢP ĐỒNG MUA BÁN SỈ NƯỚC SẠCH

Số: _____/HĐ-TCT-KDDVKH

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Bản thỏa thuận ngày ... tháng ... năm 2025 về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hoà Tân.

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, chúng tôi gồm:

**BÊN A : TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN (Bên bán)**

Trụ sở chính: Số 01 Công trường Quốc tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 291 777 – 38 291 974.

Fax: (84.8) 38 241 644.

Tài khoản số : 622.043.110.110.0091 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – Chi nhánh Chợ Lớn.

Mã số thuế : 0301129367

Do Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8532/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN (*Bên mua*)

Trụ sở chính : 86 Tân Hưng, Phường 12, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 38 558 410

Fax: (84.8) 39 555 282

Tài khoản số : 6220201686868 tại Chi nhánh ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Chợ Lớn

Mã số thuế : 0304796249

Do Ông : **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện

Thống nhất ký kết Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 theo các điều khoản sau:

Điều 1: Khối lượng nước mua bán.

1.1 Bên A bán và Bên B mua khối lượng nước được xác định hàng kỳ qua các đồng hồ tổng, bao gồm: đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Danh sách các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng được nêu tại Phụ lục 1 của Hợp đồng này. Các đồng hồ tổng được định nghĩa như sau:

1.1.1 Đồng hồ tổng nguồn: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước đi vào mạng lưới cấp nước của Bên B.

1.1.2 Đồng hồ tổng tách mạng: là đồng hồ đo đếm khối lượng nước qua lại giữa mạng lưới cấp nước của Bên B với Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sỉ nước sạch với Bên A.

1.1.3 Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:

1.1.3.1. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng được nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2 của điều này.

1.1.3.2. Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

1.2 Cân chỉnh và kiểm tra đồng hồ tổng:

- 1.2.1 Đồng hồ tổng phải đáp ứng các yêu cầu kiểm định theo quy định về đo lường của Nhà nước khi đưa vào sử dụng.
- 1.2.2 Định kỳ 05 (năm) năm một lần đối với đồng hồ cơ khí và định kỳ 03 (ba) năm một lần đối với đồng hồ điện tử, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng để đảm bảo đồng hồ tổng luôn trong tình trạng hoạt động tốt. Chi phí kiểm tra, cân chỉnh do Bên A chịu.
- 1.2.3 Trong trường hợp một hoặc hai bên có yêu cầu kiểm tra, cân chỉnh do nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng, thì hai bên sẽ cùng thực hiện hoặc thuê bên thứ ba có chức năng thực hiện việc kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng. Chi phí sẽ do bên yêu cầu chịu. Trong thời gian kiểm định, cân chỉnh đồng hồ tổng thì Bên A sẽ thay thế bằng đồng hồ tổng khác để đo đếm lượng nước mua bán. Trường hợp không có đồng hồ tổng thay thế thì lượng nước mua bán sẽ được tính trung bình ngày của 03 (ba) kỳ liền kề trước đó.
- 1.2.4 Các kết quả kiểm tra, cân chỉnh đồng hồ tổng phải được lập thành văn bản có xác nhận của các bên tham gia.
- 1.2.5 Nếu đồng hồ tổng được xác định là sai, bên A sẽ thực hiện việc sửa chữa, thay thế trong thời gian sớm nhất.
- 1.3 Khối lượng nước mua bán trong một kỳ được xác định như Điều 2 của hợp đồng này.
- 1.4 Khối lượng nước tối thiểu mua bán trong một kỳ không nhỏ hơn **2.500.000 m³** (hai triệu năm trăm ngàn mét khối).

Trong trường hợp khối lượng nước mua bán nhỏ hơn lượng nước tối thiểu thì Bên B phải thanh toán cho Bên A tiền nước theo lượng nước tối thiểu được xác định ở trên, trừ trường hợp được nêu tại Điều 6, Điều 8 của hợp đồng này.

Điều 2: Ghi nhận, tính toán khối lượng nước mua bán.

- 2.1 Ghi nhận khối lượng nước mua bán:
 - 2.1.1 Định kỳ vào ngày 25 hàng tháng, hai bên cử đại diện cùng tiến hành ghi nhận tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) khối lượng nước mua bán trong một kỳ thông qua chỉ số tiêu thụ của các đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trường hợp đối với đồng hồ tổng tách mạng, hai bên sẽ phối hợp cùng bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của bên A. Bên thứ ba và các đồng hồ tổng này được xác

định trước và lập thành danh sách để tiến hành cùng ghi nhận khối lượng nước tiêu thụ.

Thời gian ghi nhận khối lượng nước mua bán thông qua số liệu của Data logger vào lúc 7h00 ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, khối lượng nước mua bán được tính theo chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng vào ngày 25 hàng tháng. Thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút. Việc ghi nhận khối lượng nước mua bán phải được lập thành biên bản để làm cơ sở cho việc thanh toán tiền nước mua bán.

2.1.2 Khối lượng nước giảm trừ:

Khi xảy ra các trường hợp được nêu tại Khoản 7.1.3, 7.2.3 Điều 7 thì căn cứ vào biên bản ghi nhận của hai bên để tính toán khối lượng nước mua bán trong kỳ.

Khối lượng nước giảm trừ được hai bên lập thành biên bản và thống nhất chậm nhất sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày ghi nhận khối lượng nước mua bán được nêu tại Khoản 2.1.1 Điều 2. Sau thời gian này, nếu hai bên không thống nhất được thì khối lượng nước mua bán trong kỳ sẽ không tính khối lượng nước giảm trừ. Khối lượng nước giảm trừ sẽ tiếp tục được hai bên thống nhất vào kỳ mua bán kế tiếp.

2.1.3 Trường hợp các đồng hồ tổng gặp sự cố hư hỏng hoặc chạy bất thường, thì việc ghi nhận khối lượng nước được tính trung bình và/hoặc sẽ cùng thỏa thuận giữa các bên. Cách thực hiện được nêu tại Phụ lục 5 của hợp đồng này.

2.2 Tính toán khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán giữa hai bên là tổng khối lượng nước được ghi nhận theo quy định tại Khoản 2.1 của điều này.

Điều 3: Chất lượng nước sạch:

3.1 Chất lượng nước mua bán giữa hai bên đạt tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế. Các chỉ tiêu và thông số về chất lượng nước mua bán được nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng này. Vị trí lấy mẫu nước để kiểm nghiệm chất lượng nước theo danh sách được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này. Danh mục các chỉ tiêu và thông số về chất

lượng nước kiểm nghiệm hàng tháng được nêu tại mục II Phụ lục 2 của hợp đồng này.

3.2 Xác định vùng trách nhiệm về chất lượng nước:

3.2.1 Trách nhiệm của Bên A:

Bên A có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt tiêu chuẩn theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ nhà máy của Bên A và/hoặc Nhà máy của các đơn vị khác mà Bên A có hợp đồng mua sỉ nước sạch đến vị trí lắp đặt đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.2.2 Trách nhiệm của Bên B:

Bên B có trách nhiệm đảm bảo chất lượng nước mua bán đạt theo quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 từ vị trí sau đồng hồ tổng nguồn đến đến đồng hồ tổng tách mạng và từ vị trí sau đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng.

3.3 Kiểm nghiệm chất lượng nước mua bán:

3.3.1 Hàng tháng, Bên A và Bên B sẽ lấy 10 (mười) mẫu nước tại vị trí các đồng hồ tổng đã chọn trước được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng này để tiến hành kiểm nghiệm hoặc gửi đến một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm để kiểm nghiệm các chỉ tiêu được quy định tại mục II, Phụ lục 2 của hợp đồng này. Kết quả kiểm nghiệm là cơ sở để hai bên phân định trách nhiệm về chất lượng nước mua bán giữa hai bên. Chi phí kiểm nghiệm do Bên A chịu.

3.3.2 Bên B có quyền yêu cầu một đơn vị có chức năng kiểm nghiệm tiến hành lấy mẫu nước tại vị trí được quy định tại Khoản 3.3.1 của điều này để kiểm nghiệm đối chiếu kết quả kiểm nghiệm chất lượng nước do Bên A thực hiện. Chi phí kiểm nghiệm này do Bên B chịu.

3.3.3 Nếu có xảy ra phản ánh của khách hàng sử dụng nước về chất lượng nước thì hai bên cùng tiến hành kiểm tra, tìm nguyên nhân. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó chịu chi phí kiểm nghiệm và thực hiện theo Điểm 7.3.1 Khoản 7.3 Điều 7 của hợp đồng này.

Điều 4: Đơn giá mua bán

4.1 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.1, 1.1.2, 1.1.3.1 Điều 1 của hợp đồng này là **6.611,79 đồng/m³**.

- 4.2 Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận thông qua các đồng hồ tổng nêu tại Khoản 1.1.3.2 Điều 1 của hợp đồng này được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.
- 4.3 Đơn giá nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
- 4.4 Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 5: Thanh toán.

- 5.1 Hàng tháng Bên B thực hiện thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch như sau:
 - 5.1.1 Sau ngày hai bên đã ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Điều 2 của hợp đồng này thì vào ngày 05 (năm) của tháng liền sau đó Bên B phải thanh toán 50% (năm mươi phần trăm) số tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A.
 - 5.1.2 Tối đa sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, Bên B phải thanh toán dứt điểm số tiền còn lại cho Bên A.
 - 5.1.3 Việc thanh toán được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Nếu ngày thanh toán được nêu tại Khoản 5.1.1, 5.1.2 rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- 5.2 Trường hợp Bên B chậm thanh toán như quy định tại Khoản 5.1 của điều này thì phải chịu thêm lãi suất vay quá hạn hiện hành của Ngân hàng cho số tiền chậm thanh toán.
- 5.3 Hàng tháng, Bên A gửi cho Bên B bộ hồ sơ thanh toán bao gồm:
 - Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán được quy định tại Khoản 2.1 Điều 2 của hợp đồng này (phụ lục 3).
 - Thông báo số tiền phải thanh toán (phụ lục 4).
 - Bảng kết quả kiểm nghiệm.
 - Hóa đơn bán sỉ.

Điều 6: Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước

- 6.1 Bên A ngưng cung cấp nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
 - 6.1.1 Theo kế hoạch sửa chữa định kỳ, nhưng không quá 24 giờ một lần. Bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B biết trước ít nhất 07 (bảy) ngày.

- 6.1.2 Do các sự cố lớn tại các nhà máy của Bên A và/ hoặc nguồn nước của Bên A và của các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.3 Do các sự cố lớn trên hệ thống ống truyền dẫn của Bên A. Khi có sự cố xảy ra, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.1.4 Do các trường hợp bất khả kháng như được nêu tại Điều 8 của hợp đồng này. Khi xảy ra các trường hợp bất khả kháng, Bên A phải thông báo ngay cho Bên B trong vòng 2 (hai) giờ và sau đó phải gửi văn bản chính thức.
- 6.2 Bên B ngưng tiếp nhận nước khi xảy ra một hoặc các trường hợp sau:
 - 6.2.1 Bên A không thực hiện việc kiểm nghiệm nước sạch được quy định tại Khoản 3.3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.2 Chất lượng nước mua bán không đạt tiêu chuẩn như quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
 - 6.2.3 Thực hiện công tác sửa chữa, cải tạo hệ thống cấp nước theo kế hoạch. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo cho Bên A biết trước ít nhất 02 (hai) ngày.
 - 6.2.4 Khi có sự cố hư hỏng đột xuất hệ thống cấp nước của Bên B mà có thể làm gián đoạn việc tiếp nhận nước từ bên A. Trong trường hợp này Bên B phải thông báo ngay khi phát hiện sự cố cho Bên A biết.

Điều 7: Trách nhiệm của các bên.

7.1 Trách nhiệm của Bên A:

- 7.1.1 Đảm bảo cung cấp nguồn nước liên tục và đạt tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này, trừ các trường hợp bất khả kháng nêu tại Điều 8.
- 7.1.2 Giải quyết nhanh chóng, kịp thời các sự cố hư hỏng trong phạm vi tài sản của mình.
- 7.1.3 Thông báo và phối hợp cùng Bên B ghi nhận, tính toán để giảm trừ khối lượng nước mua bán khi xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu xúc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.
- 7.1.4 Hỗ trợ Bên B khắc phục các sự cố vượt ngoài khả năng của Bên B (khi có yêu cầu).

- 7.1.5 In hóa đơn tiền nước cho Bên B theo tiến độ đọc số và thu tiền đã được thỏa thuận.
- 7.1.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch có tầm ảnh hưởng đến hoạt động của Bên A.
- 7.2 Trách nhiệm của Bên B:
- 7.2.1 Thanh toán tiền nước đầy đủ, đúng hạn được quy định tại Điều 5 của hợp đồng này.
- 7.2.2 Đảm bảo chất lượng nước cung cấp cho khách hàng sử dụng nước đạt theo tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 3.1 Điều 3 của hợp đồng này.
- 7.2.3 Thông báo và phối hợp với Bên A ghi nhận các sự cố xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A và/hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A để cùng tiến hành tính toán khối lượng nước mua bán được giảm trừ.
- 7.2.4 Phối hợp, hỗ trợ với bên thứ ba có sử dụng chung nguồn nước do bên A cung cấp trong việc cung cấp nước sạch. Thông báo cho Bên A các trường hợp tạm ngưng tiếp nhận nước khi tiến hành sửa chữa hệ thống mang lưới phân phối của mình, đặc biệt khi việc tạm ngưng tiếp nhận nước này làm ảnh hưởng đến việc cung cấp nước của Bên thứ ba có hợp đồng mua bán sử dụng nước sạch với Bên A.
- 7.2.5 Phối hợp với Bên A trong việc xử lý, khắc phục các sự cố cấp nước trong trường hợp các sự cố này xảy ra trên diện rộng, vượt phạm vi quản lý của Bên B.
- 7.2.6 Làm việc với các cơ quan quản lý nhà nước, với các phương tiện thông tin đại chúng, với nhân dân về các vấn đề có liên quan đến quy định, cơ chế, chính sách trong việc cung cấp và sử dụng nước sạch trên địa bàn của Bên B.
- 7.3 Trách nhiệm chung của hai bên:
- 7.3.1 Tìm nguyên nhân về chất lượng nước khi có phản ánh của khách hàng. Nếu lỗi thuộc về bên nào thì bên đó có trách nhiệm giải quyết, bồi thường (nếu có).
- 7.3.2 Thực hiện theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về cung cấp nước, sử dụng nước và các văn bản pháp lý khác của Nhà nước có liên quan đến vấn đề cung cấp và sử dụng nước.

Điều 8: Các trường hợp bất khả kháng.

8.1 Trường hợp bất khả kháng là những sự kiện, hoàn cảnh được liệt kê dưới đây khi xảy ra nằm ngoài dự kiến và tầm kiểm soát của ít nhất một trong hai bên và bên gặp trường hợp bất khả kháng đã làm hết trách nhiệm của mình mà vẫn không ngăn chặn được như:

- Chiến tranh, thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn.
- Khủng bố, bạo động, phá hoại có tính chất tội phạm.
- Nguồn điện cung cấp cho Bên A bị ngừng hoặc cung cấp không đảm bảo cho hoạt động sản xuất tại trạm bơm nước thô và nhà máy nước của Bên A và/hoặc các đơn vị khác mà bên A ký hợp đồng mua nước sạch.
- Nước thô để sản xuất nước sạch tại các nhà máy nước của Bên A và/hoặc tại các đơn vị khác mà Bên A ký hợp đồng mua nước sạch không đủ hoặc nguồn nước thô này có chất lượng thấp đến mức không thể xử lý được thành nước sạch đủ tiêu chuẩn như quy định.
- Những tác động không lường trước như: các đơn vị thi công cầu, đường làm hư hỏng hệ thống tuyến ống truyền tải của Bên A.

8.2 Trong các trường hợp bất khả kháng được nêu trên, bên gặp trường hợp bất khả kháng phải gửi thông báo đến bên kia trong thời gian sớm nhất và hai bên sẽ cùng hợp tác nhanh chóng khắc phục hậu quả để tiếp tục ngay việc mua bán, cung cấp nước sạch trong thời gian sớm nhất. Nếu có thiệt hại phát sinh thì thiệt hại thuộc phạm vi quản lý của bên nào bên đó tự chịu trách nhiệm giải quyết.

8.3 Khi xảy ra trường hợp bất khả kháng, bên gặp trường hợp bất khả kháng được xem như không vi phạm đối với việc thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng trong thời gian và phạm vi ảnh hưởng do trường hợp bất khả kháng gây ra.

Điều 9: Thời hạn thực hiện hợp đồng.

9.1 Hợp đồng này thực hiện việc mua bán lượng nước từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025.

9.2 Trước khi hợp đồng hết thời hạn, hai bên sẽ cùng thương thảo ký kết hợp đồng mới.

Điều 10: Điều khoản chung.

10.1 Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình theo quy định trong hợp đồng này và theo quy định của pháp luật. Các bất đồng ý kiến phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng sẽ được hai bên bàn bạc, giải quyết trên tinh thần hợp tác và tôn trọng quyền lợi của nhau.

- 10.2 Trong thời gian thực hiện hợp đồng này, những vấn đề phát sinh (nếu có) làm ảnh hưởng đến quyền lợi của một hoặc hai bên, thì sẽ được hai bên ghi nhận, nghiên cứu để đưa vào thực hiện trong hợp đồng kế tiếp.
- 10.3 Tranh chấp giữa các bên nếu không tự giải quyết được thì sẽ do Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết. Hai bên phải tuân thủ theo phán quyết có hiệu lực của Tòa.
- 10.4 Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của hợp đồng này phải được sự thống nhất của hai bên và phải được thể hiện bằng văn bản.
- Hợp đồng này được lập thành 08 (tám) bản, mỗi bên giữ 04 (bốn) bản có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHỤ LỤC 1 DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	pt1001_10M345B	Vòng xoay Đan chu
2	pt1002	3/2 - Cao Thang 1
3	pt1003	3/2 - Cao Thang 2
4	pt1004	3/2 - Tran Minh Quyen
5	pt1005	3/2 - Le Hong Phong nói dai
6	pt1006	3/2 - Nguyen Tri Phuong 1
7	pt1007	3/2 - Nguyen Tri Phuong 2
8	pt1009	3/2 - Nguyen Lam
9	pt1010	3/2 - Ly Thuong Kiet
10	pt1011	3/2 - Le Dai Hanh 1
11	pt1014	Góc trường học Phu Tho
12	pt1015	3/2 Ta Uyen
13	pt1018	3/2 - Le Hong Phong 2
14	pt1019	Vòng xoay cây go

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
15	pt2005	DBP - Cao Thang
16	pt2017	Ly Thuong Kiet - Thien Phuoc
17	pt2018	Au Co - Le Dai Hanh - Nguyen Thi Nho (04-07)
18	pt2027	Khuon Viet - Au Co
19	pt2030	Au Co - Le Dai Hanh
20	pt2032	Au Co - Le Nga
21	cl2011	Tran Nhan Ton - Hung Vuong 1 (123 Hung Vuong
22	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

STT	Mã vị trí	Vị trí
23	pt4002	Dong ho so 7- Tan Hoa - Lac Long Quan
24	pt4006	Dong ho so 5 (Tan Hoa – Hong Bang)

PHỤ LỤC 2: TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và quy định kiểm tra, giám sát chất lượng nước sạch
sử dụng cho mục đích sinh hoạt, QCVN 01-1:2018/BYT

được ban hành kèm Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y tế

MỤC I: CÁC CHỈ TIÊU VÀ THÔNG SỐ VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH:

TT	Tên thông số	Đơn vị tính	Ngưỡng giới hạn cho phép	Tần suất thử nghiệm
<i>Thông số vi sinh vật</i>				
1.	Coliform	CFU/100 mL	<3	Tháng
2.	E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt	CFU/100 mL	<1	Tháng
3.	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
4.	Trực khuẩn mủ xanh (Ps. Aeruginosa)	CFU/ 100mL	< 1	06 tháng
<i>Thông số cảm quan và vô cơ</i>				
5.	Arsenic (As) (*)	mg/L	≤ 0.01	06 tháng
6.	Clo dư tự do	mg/L	Trong khoảng 0,2 - 1,0	Tháng
7.	Độ đục	NTU	≤ 2	Tháng
8.	Màu sắc	TCU	≤ 15	Tháng
9.	Mùi, vị	-	Không có mùi, vị lạ	Tháng
10.	pH	-	Trong khoảng 6,0-8,5	Tháng
11.	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
12.	Antimon (Sb)	mg/L	≤ 0,02	06 tháng
13.	Bari (Bs)	mg/L	≤ 0,7	06 tháng
14.	Bor tính chung cho cả Borat và axit Boric (B)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
15.	Cadmi (Cd)	mg/L	≤ 0,003	06 tháng
16.	Chì (Plumbum) (Pb)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
17.	Chỉ số pecmanganat	mg/L	≤ 2	06 tháng
18.	Chloride (Cl ⁻)	mg/L	≤ 250	06 tháng
19.	Chromi (Cr)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
20.	Đồng (Cuprum) (Cu)	mg/L	≤ 1	06 tháng
21.	Độ cứng, tính theo CaCO ₃	mg/L	≤ 300	06 tháng
22.	Fluor (F)	mg/L	≤ 1,5	06 tháng
23.	Kẽm (Zincum) (Zn)	mg/L	≤ 2	06 tháng
24.	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 0,1	06 tháng
25.	Natri (Na)	mg/L	≤ 200	06 tháng
26.	Nhôm (Aluminium) (Al)	mg/L	≤ 0.2	06 tháng
27.	Nickel (Ni)	mg/L	≤ 0,07	06 tháng
28.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 2	06 tháng
29.	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng

30.	Sắt (Ferrum) (Fe)	mg/L	≤ 0,3	06 tháng
31.	Seleni (Se)	mg/L	≤ 0,01	06 tháng
32.	Sunphat	mg/L	≤ 250	06 tháng
33.	Sunfua	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
34.	Thủy ngân (Hydrargyrum) (Hg)	mg/L	≤ 0,001	06 tháng
35.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)	mg/L	≤ 1000	06 tháng
36.	Xyanua (CN)	mg/L	≤ 0,05	06 tháng
Thông số hữu cơ				
a. Nhóm Alkan clo hóa				06 tháng
37.	1,1,1 -Tricloroetan	µg/L	≤ 2000	
38.	1,2 - Dicloroetan	µg/L	≤ 30	
39.	1,2 - Dicloroeten	µg/L	≤ 50	
40.	Cacbonetetraclorea	µg/L	≤ 2	
41.	Diclorometan	µg/L	≤ 20	
42.	Tetracloroeten	µg/L	≤ 40	
43.	Tricloroeten	µg/L	≤ 20	
44.	Vinyl clorua	µg/L	≤ 0,3	
b. Hydrocacbua thơm				06 tháng
45.	Benzen	µg/L	≤ 10	
46.	Etylbenzen	µg/L	≤ 300	
47.	Phenol và dẫn xuất của Phenol	µg/L	≤ 1	
48.	Styren	µg/L	≤ 20	
49.	Toluen	µg/L	≤ 700	
50.	Xylen	µg/L	≤ 500	
c. Nhóm Benzen Clo hóa				06 tháng
51.	1,2 - Diclorobenzen	µg/L	≤ 1000	
52.	Monoclorobenzen	µg/L	≤ 300	
53.	Triclorobenzen	µg/L	≤ 20	
d. Nhóm chất hữu cơ phức tạp				06 tháng
54.	Acrylamide	µg/L	≤ 0,5	
55.	Epiclohydrin	µg/L	≤ 0,4	
56.	Hexacloro butadien	µg/L	≤ 0,6	
Thông số hóa chất bảo vệ thực vật				
57.	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan	µg/L	≤ 1	06 tháng
58.	1,2 - Dicloropropan	µg/L	≤ 40	
59.	1,3 - Dichloropropen	µg/L	≤ 20	
60.	2,4-D	µg/L	≤ 30	
61.	2,4 - DB	µg/L	≤ 90	
62.	Alachlor	µg/L	≤ 20	
63.	Aldicarb	µg/L	≤ 10	
64.	Atrazine và các dẫn xuất chloro-s- triazine	µg/L	≤ 100	
65.	Carbofuran	µg/L	≤ 5	

66.	Chlorpyrifos	µg/L	≤ 30	
67.	Clodane	µg/L	≤ 0,2	
68.	Clorotoluron	µg/L	≤ 30	
69.	Cyanazine	µg/L	≤ 0,6	
70.	DDT và các dẫn xuất	µg/L	≤ 1	
71.	Dichloprop	µg/L	≤ 100	
72.	Fenoprop	µg/L	≤ 9	
73.	Hydroxyatrazine	µg/L	≤ 200	
74.	Isoproturon	µg/L	≤ 9	
75.	MCPA	µg/L	≤ 2	
76.	Mecoprop	µg/L	≤ 10	
77.	Methoxychlor	µg/L	≤ 20	
78.	Molinate (**)	µg/L	≤ 6	
79.	Pendimetalin	µg/L	≤ 20	
80.	Permethrin Mg/t	µg/L	≤ 20	
81.	Propanil Uq/L	µg/L	≤ 20	
82.	Simazine	µg/L	≤ 2	
83.	Trifuralin	µg/L	≤ 20	
Thông số hóa chất khử trùng và sản phẩm phụ				
84.	2,4,6 - Triclorophenol	µg/L	≤ 200	06 tháng
85.	Bromat	µg/L	≤ 10	
86.	Bromodichloromethane	µg/L	≤ 60	
87.	Bromoform	µg/L	≤ 100	
88.	Chloroform	µg/L	≤ 300	
89.	Dibromoacetonitrile	µg/L	≤ 70	
90.	Dibromochloromethane	µg/L	≤ 100	
91.	Dichloroacetonitrile	µg/L	≤ 20	
92.	Dichloroacetic acid	µg/L	≤ 50	
93.	Formaldehyde	µg/L	≤ 900	
94.	Monochloramine	µg/L	≤ 3,0	
95.	Monochloroacetic acid	µg/L	≤ 20	
96.	Trichloroacetic acid	µg/L	≤ 200	
97.	Trichloroaxetonitril	µg/L	≤ 1	
Thông số nhiễm xạ				
98.	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/L	≤ 0,1	06 tháng
99.	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/L	≤ 1,0	

Chú thích:

- Dấu (*) theo QCVN 01-1:2018/BYT quy định giám sát hàng tháng đối với đơn vị khai thác nước ngầm nhưng không quy định đối với nước mặt do đó đối với nước trên mạng lưới giám sát 06 tháng;

- Dấu (**) áp dụng theo giới hạn cho phép của QCVN 01:2009/BYT do QCVN 01-1:2018/BYT đề cập nhưng lại không quy định giới hạn cho phép.

MỤC II: CÁC CHỈ TIÊU KIỂM NGHIỆM:

- | | |
|-----------------------------------|------------|
| 1. Coliform | 5. Màu sắc |
| 2. E.Coli hoặc Conform chịu nhiệt | 6. Mùi, vị |
| 3. Clo dư tự do | 7. pH |
| 4. Độ đục | |

PHỤ LỤC 3: MẪU BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN PHÚ HOÀ TÂN KỲ .../...

TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
XÍ NGHIỆP TRUYỀN DẪN NƯỚC SẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/BB-TDNS-QLĐHT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

BIÊN BẢN XÁC ĐỊNH LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ CỦA CÔNG TY CPCN KỲ .../...

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm ..., tại Công ty Cổ phần Cấp nước
chúng tôi gồm:

Bên A: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn

Ông/Bà: (Xí nghiệp Truyền dẫn Nước sạch)

Bên B: Công ty Cổ phần Cấp nước

Ông/Bà:

Cùng xác định lượng nước mua bán sỉ của kỳ .../... như sau:

Từ ngày .../.../... đến ngày .../.../... (... ngày)

I. LƯỢNG NƯỚC QUA ĐỒNG HỒ TỔNG (A)

a1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
CỘNG							

a2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
CỘNG							

a3. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng khai thác trực tiếp trên tài sản Bên A, nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (A3)

a3.1. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ sau đồng hồ tổng nguồn: (A3.1)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							

2							
...	...	...					
CỘNG							

a3.2. Lượng nước được ghi nhận tại các đồng hồ khách hàng là đồng hồ tổng nguồn:
(A3.2)

Stt	DMA	Vị trí	Chiều tách mạng	C/s kỳ trước (.../.../...)	C/s kỳ này (.../.../...)	Lượng nước qua đồng hồ (m ³)	Ghi chú
1							
2							
...	...	...					
CỘNG							

II. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (nếu có) (B)

b1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B1)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B2)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

b3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (B3)

Stt	Số biên bản Ngày phát hành	Nội dung giảm trừ	Đơn vị thi công	Lượng nước giảm trừ (m ³)	Ghi chú
1					
2					
...					

III. LƯỢNG NƯỚC GIẢM TRỪ (CHƯA THỐNG NHẤT) (C)

c1. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ tổng nguồn được nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C1)

i. BÊN A

- a.
- b.
- c.

Ý kiến đề nghị:

.....

ii. BÊN B

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

c2. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng, nêu tại Phụ lục 1 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C2)

i. BÊN A

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

ii. BÊN B

- a.
 b.
 c.

c3. Lượng nước giảm trừ của các đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng (sau đồng hồ tổng nguồn hoặc là đồng hồ tổng nguồn), nêu tại Phụ lục 2 của hợp đồng mua bán sỉ nước sạch: (C3)

i. BÊN A

- a.
 b.
 c.

Ý kiến đề nghị:

ii. BÊN B

- a.
 b.
 c.

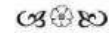
IV. TỔNG LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN SỈ

(A)	Lượng nước qua ĐHT (A1+A2+A3.2)		(m ³)
(A1)	Lượng nước qua các ĐH tổng nguồn nêu tại PL1		(m ³)
(A2)	Lượng nước qua ĐH khách hàng được xem là ĐHT nêu tại PL1		(m ³)
(A3)	Lượng nước qua ĐH khách hàng khai thác trực tiếp trên tài		(m ³)

PHỤ LỤC 4: MẪU THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN

ỦY BAN NHÂN DÂN TP. HỒ CHÍ MINH
TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số : _____/TB-TCT-.....

Tp. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm

THÔNG BÁO SỐ TIỀN PHẢI THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN KỲ ... NĂM ...

Kính gửi: Công ty Cổ phần Cấp nước

- Căn cứ hợp đồng mua bán si nước sạch số ... ngày ...
- Căn cứ Biên bản ghi nhận khối lượng nước mua bán kỳ ... năm ..., ngày ... giữa Tổng Công Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Công ty Cổ phần Cấp nước

Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên thông báo số tiền Quý Công ty phải thanh toán cho khối lượng nước mua bán kỳ .../năm... như sau:

- Khối lượng nước mua bán: ... m³
- Đơn giá: ... đồng/m³.
- Thành tiền: ... đồng.
- Thuế giá trị gia tăng: đồng.
- **Tổng số tiền phải thanh toán: ... đồng.**

Đề nghị Quý Công ty thanh toán tiền nước mua si vào ngày __ tháng __ năm __ .

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên.
- P.KTTC.
- P.KDDVKH.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 5

QUY TRÌNH XỬ LÝ, TRƯỜNG HỢP TÍNH TRUNG BÌNH VÀ QUY TẮC ỨNG XỬ TRONG CÁC TRƯỜNG HỢP GẶP SỰ CỐ, NGHI NGỜ TÍNH CHÍNH XÁC CỦA ĐỒNG HỒ TỔNG

i. Quy trình xử lý khi đồng hồ tổng có sự cố bất thường.

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- 1.1. Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- 1.2. Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- 1.3. Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:
 - 1.3.1. Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.
 - 1.3.2. Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

ii. Các trường hợp tính bình quân lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm.

2.1. Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

2.2. Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).

- 2.2.1. Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).
- 2.2.2. Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình

quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

2.3. Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).

- 2.3.1. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2.2.2
- 2.3.2. Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.
- 2.3.3. Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 1.3 nêu trên.

2.4. Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết

- Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.
- Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo mục 2.1 hoặc mục 2.2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

2.5. Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:

- Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.
- Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

2.6. Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:

- Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường *so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ*. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo mục 2.2.

- Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.
- Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

iii. Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng

- 3.1.** Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- 3.2.** Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- 3.3.** Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- 3.4.** Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại mục 2.2.
- 3.5.** Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:
 - 3.5.1.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.
 - 3.5.2.** Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.
 - 3.5.3.** Lượng nước đã tạm tính ở mục 3.4 sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2025

BẢN THỎA THUẬN

Về Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025
giữa Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên
và Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định về cung cấp, sử dụng nước và bảo vệ công trình cấp nước trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 20/2007/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh;

Theo nhu cầu, khả năng của hai bên;

Hôm nay, ngày ... tháng ... năm 2025, tại trụ sở Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên, số 01 Công Trường Quốc Tế, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh chúng tôi gồm:

BÊN A: TỔNG CÔNG TY CẤP NƯỚC SÀI GÒN – TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN:

Ông: **Đặng Đức Hiền**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc làm đại diện.

Giấy ủy quyền: Số 8532/GUQ-TCT-KDDVKH ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Ông Trần Quang Minh – Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN:

Ông: **Dương Văn Hòa**

Chức vụ: Giám đốc làm đại diện.

Cùng thỏa thuận về một số vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 giữa hai bên như sau:

Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 sẽ thực hiện việc mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng. Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ thực hiện theo các nội dung và nguyên tắc sau:

I./ VỀ NỘI DUNG CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch qua đồng hồ tổng sẽ bao gồm các điều khoản sau:

- Khối lượng nước mua bán.
- Ghi nhận, tính toán khối lượng nước.
- Chất lượng nước sạch.
- Đơn giá mua bán.
- Thanh toán.
- Các trường hợp ngưng cung cấp nước, ngưng tiếp nhận nước.
- Trách nhiệm của các bên.
- Các trường hợp bất khả kháng.
- Thời hạn thực hiện hợp đồng.
- Điều khoản chung.

II./ NGUYÊN TẮC XÁC ĐỊNH KHỐI LƯỢNG NƯỚC MUA BÁN:

1. Khối lượng nước mua bán:

Khối lượng nước mua bán là lượng nước thực vào địa bàn của Bên B được xác định mỗi kỳ 01 lần vào ngày 25 của mỗi tháng thông qua việc đọc số tại hiện trường và/hoặc thông qua bộ ghi nhận và truyền dữ liệu (Data logger) của các đồng hồ tổng nguồn, các đồng hồ tổng tách mạng và đồng hồ nước khách hàng được xem là đồng hồ tổng, trong đó có giảm trừ lượng nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A.

2. Xác định khối lượng nước mua bán:

2.2.1 Thiết bị đo đếm:

Khối lượng nước mua bán sỉ hàng kỳ được ghi nhận qua hệ thống đồng hồ tổng, được phân thành 03 loại: Đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng và

đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng. Trong hợp đồng mua bán sỉ nước sạch gọi chung 03 loại này là đồng hồ tổng, được định nghĩa và hiểu như sau:

- Đồng hồ tổng nguồn: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước đi vào hoặc đi ra mạng lưới đường ống của Bên B (Phụ lục).
- Đồng hồ tổng tách mạng: là các đồng hồ ghi nhận khối lượng nước qua lại giữa Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A (Phụ lục).
- Đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng:
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, chưa được ghi nhận qua đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng (Phụ lục).
 - Là đồng hồ đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có).

2.2.2 Cách tính lượng nước mua bán sỉ :

a. Trường hợp đồng hồ tổng hoạt động bình thường:

Lượng nước mua bán sỉ được xác định:

$$Q = \sum_i^n Q_i - \text{Lượng nước giảm trừ}$$

Với: Q_i : là lượng nước các đồng hồ tổng (cả 03 loại) ghi nhận được trong thời gian mua bán sỉ.

Lượng nước giảm trừ được xác định khi xảy ra các trường hợp xuất hiện xì, bể ống cấp 1 và cấp 2 tại vị trí sau đồng hồ tổng thuộc tài sản của Bên A hoặc có yêu cầu súc xả nước đục mà nguyên nhân xuất phát từ trách nhiệm của Bên A. Khi đó hai bên sẽ cùng tiến hành ghi nhận làm cơ sở cho việc tính toán khối lượng nước mua bán.

b. Trường hợp đồng hồ tổng đo đếm có sự cố:

Hai bên thống nhất bổ sung quy trình xử lý, các trường hợp tính trung bình và quy tắc ứng xử trong các trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố, nghi ngờ tính chính xác của đồng hồ tổng như sau:

❖ Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố được thực hiện như sau:

Trong trường hợp có đồng hồ tổng có chỉ số khối lượng bất thường do các sự cố như đồng hồ hư hỏng, dữ liệu của bộ ghi nhận dữ liệu không liên tục hoặc lệch với chỉ số đồng hồ, hoặc do hết pin v.v... thì thực hiện theo quy trình sau:

- + Bên A ghi nhận hoặc tiếp nhận thông tin đồng hồ tổng khi có sự bất thường về chỉ số và hư hỏng trong quá trình quản lý hoặc do Bên B phản ánh.
- + Trong thời gian không quá 02 ngày, Bên A sẽ thông báo cho các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá xác nhận tình trạng đồng hồ tổng tại hiện trường và đưa ra hướng xử lý.
- + Bên A sẽ lên kế hoạch triển khai và thực hiện công tác khắc phục sự cố từng trường hợp như sau:

Trường hợp đồng hồ hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị sự cố có thể khắc phục tại hiện trường (thay pin, thay nối dây tín hiệu, thay bộ hiển thị, đấu nối tiếp đất...) thì Bên A sẽ xử lý, khắc phục trong vòng 03 ngày làm việc và có sự chứng kiến, ký biên bản xác nhận của các bên liên quan.

Trường hợp đồng hồ tổng gặp sự cố không khắc phục được tại hiện trường, Bên A sẽ phối hợp các đơn vị liên quan thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã được kiểm định trong vòng 07 ngày, đồng thời niêm phong đồng hồ hiện hữu, đem kiểm định tại cơ quan có chức năng có thẩm quyền để xác định tình trạng đồng hồ trên (biên bản niêm phong phải có xác nhận của các bên).

❖ Các trường hợp tính trung bình lượng nước cung cấp và bán sỉ trong thời gian đồng hồ tổng hư hỏng hoặc không có đồng hồ đo đếm:

- + ***Trường hợp 1: đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng, sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ.***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng hoặc bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

- + ***Trường hợp 2: đồng hồ tổng bị hư hỏng (nhiều hơn 10 ngày).***

Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đầy đủ, đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

Trong trường hợp không đủ khối lượng ổn định liên tục 03 kỳ thì tính khối lượng bình quân cho những ngày đồng hồ gặp sự cố bằng khối lượng bình quân theo số ngày thực tế đồng hồ tổng ghi nhận trước đó nhưng không ít hơn 10 ngày liên tục.

- + **Trường hợp 3: đồng hồ tổng mới lắp đặt bị sự cố (không có dữ liệu tại các thời điểm trước đó).**

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít nhất 10 ngày liên tục được tính như Mục 2 của Trường hợp 2.

Đồng hồ tổng có dữ liệu ít hơn 10 ngày, khối lượng tạm tính bằng không. Sau khi đồng hồ tổng được thay thế hoặc khắc phục sẽ sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động để tính toán lại khối lượng cho thời gian các ngày tạm tính.

Bên A sẽ nhanh chóng lên kế hoạch và khắc phục sự cố như mục 3 của Quy trình xử lý các đồng hồ tổng gặp sự cố nêu trên.

- + **Trường hợp 4: đồng hồ tổng gặp sự cố, hư hỏng hoặc hoạt động không ổn định rơi vào những ngày lễ, tết**

Khối lượng tiêu thụ vào những ngày này có thể thấp hoặc cao hơn so với ngày thường. Tính lượng nước bình quân trong thời gian đồng hồ tổng xảy ra sự cố vào dịp lễ, tết sẽ tính theo “hệ số K”.

Khối lượng tính bình quân ngày cho thời gian đồng hồ tổng hư hỏng = K x khối lượng bình quân ngày theo Trường hợp 1 hoặc Trường hợp 2.

$$K = \frac{\text{Khối lượng bình quân các ngày lễ tết của năm trước tương ứng với các ngày cần tính trung bình}}{\text{Khối lượng bình quân 10 ngày trước khi đồng hồ bị hư tương ứng của năm trước}}$$

- + **Trường hợp 5: đồng hồ tổng hoạt động bình thường, bộ ghi nhận và truyền dữ liệu bị hư hỏng và không có chỉ số đọc trên bộ hiển thị đầu kỳ:**

Bị sự cố nhiều nhất 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bình quân ngày cho những ngày bộ ghi nhận và truyền dữ liệu gặp sự cố, hư hỏng bằng khối lượng bình quân theo những ngày còn lại trong kỳ.

Bị sự cố trên 10 ngày trong cùng kỳ: Tính toán khối lượng bằng khối lượng bình quân ngày theo 03 kỳ đã thống nhất khối lượng trước đó (không sử dụng Kỳ có ngày Tết âm lịch để tính).

- + **Trường hợp 6: đồng hồ tổng mới thay thế có khối lượng bình quân ngày chênh lệch bất thường so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ:**

Đồng hồ tổng sau khi được thay thế (đảm bảo yêu cầu pháp lý kỹ thuật). Bên A sẽ theo dõi khối lượng và xử lý chênh lệch bất thường *so với dữ liệu khối lượng bình quân ngày quá khứ*. Khi đó khối lượng sẽ được tạm tính theo Trường hợp 2.

Trường hợp này Bên B cung cấp dữ liệu các đồng hồ DMA và đồng hồ khách hàng (nếu có) khu vực lân cận (do Đồng hồ tổng này cung cấp) cho Bên A, cùng phối hợp xử lý phân tích dữ liệu, đưa ra hướng giải quyết khắc phục sự cố của đồng hồ tổng.

Trường hợp giải quyết khắc phục theo phương án: thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ khác (hoặc sửa chữa) thì sử dụng khối lượng trung bình của 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ được thể để tính toán lại khối lượng cho thời gian tạm tính.

❖ Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng:

- + Khi Bên B nghi ngờ độ chính xác của các đồng hồ tổng thì có quyền yêu cầu Bên A thực hiện việc kiểm tra đồng hồ thông qua văn bản chính thức.
- + Sau khi nhận được yêu cầu kiểm tra đồng hồ nghi ngờ, Bên A sẽ thực hiện kiểm tra bằng các thiết bị kiểm tra tại hiện trường với sự chứng kiến của các bên.
- + Trong trường hợp Bên B yêu cầu phải có kiểm tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền, Bên A sẽ thực hiện tháo gỡ, thay thế đồng hồ hiện hữu bằng đồng hồ đã kiểm định tại vị trí này trong thời gian ngắn nhất. Đồng hồ bị nghi ngờ độ chính xác sẽ được niêm phong mang đi kiểm định tại cơ quan chức năng có thẩm quyền.
- + Lượng nước mua bán sỉ trong thời gian từ khi Bên B yêu cầu kiểm tra đến khi thay tạm đồng hồ đã được kiểm định sẽ được tạm tính theo trường hợp quy định tại Trường hợp 2.
- + Sau khi có kết quả kiểm định, căn cứ vào kết quả:

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác trong giới hạn cho phép: tất cả các chi phí liên quan bao gồm phí kiểm định, chi phí tháo dỡ, lắp đặt đồng hồ và các chi phí liên quan khác sẽ do Bên B chịu trách nhiệm chi trả.

Trường hợp đồng hồ có kết quả kiểm định có độ chính xác vượt giới hạn cho phép: Bên A sẽ chịu trách nhiệm chi trả tất cả chi phí liên quan.

Lượng nước đã tạm tính ở mục 4 của Quy tắc ứng xử khi có nghi ngờ về độ chính xác của đồng hồ tổng sẽ được so sánh khối lượng đo đếm thực tế 10 ngày liên tục sau khi hoạt động của đồng hồ đã kiểm định để truy thu hoặc giảm trừ.

2.2.3 Công tác đọc số đồng hồ tổng:

Hàng kỳ, 02 bên cử đại diện để tiến hành ghi nhận chỉ số tiêu thụ và lập biên bản ghi nhận chỉ số tiêu thụ đồng hồ tổng. Việc phối hợp thực hiện như sau:

- Đối với đồng hồ tổng nguồn và đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng: Bên A và Bên B.
- Đồng hồ tổng tách mạng: Bên A, Bên B và Bên thứ ba có hợp đồng mua sỉ nước sạch của Bên A. Bên thứ ba sẽ được xác định trước và lập danh sách các đồng hồ tổng này để cùng tiến hành ghi nhận khối lượng nước mua bán.

2.2.4 Thời gian đọc số đồng hồ tổng:

Việc đọc số đồng hồ tổng được xác định vào ngày 25 hàng tháng.

Đối với đồng hồ tổng không có bộ ghi nhận dữ liệu, thời gian đọc chỉ số trên bộ hiển thị của đồng hồ tổng giữa 02 (hai) kỳ không được lệch quá 60 phút.

III./ VỀ ĐƠN GIÁ MUA BÁN:

1. Hai bên thống nhất xác định đơn giá hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 như sau:

$$GBS_{2025} = GBS_{2024} * (1 + \% \text{ Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân})$$

Trong đó:

- GBS_{2024} : là đơn giá mua bán sỉ cho lượng nước khách hàng sử dụng khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên B năm 2024 tăng theo tốc độ tăng giá bán lẻ bình quân đạt được của năm 2024 so với năm 2023. Cụ thể là **6.611,79 đồng/m³**.

% Tốc độ tăng hoặc giảm thực tế giá bán lẻ bình quân: là tốc độ tăng hoặc giảm giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2025 so với giá bán lẻ bình quân thực tế năm 2024.

2. Hai bên thống nhất Hợp đồng mua bán sỉ nước sạch từ kỳ 01 đến kỳ 12 năm 2025 sẽ được tính theo 02 đơn giá như sau:

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ tổng nguồn, đồng hồ tổng tách mạng, đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm

khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định (Phụ lục đính kèm) là **6.611,79 đồng/m³**.

- Đơn giá mua bán của khối lượng nước được ghi nhận tại đồng hồ khách hàng được xem là đồng hồ tổng đo đếm khối lượng nước cấp cho khách hàng của Bên B xác định, được khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A (nếu có) được tính bằng 70% (bảy mươi phần trăm) giá bán bình quân áp dụng cho khách hàng của Bên B xác định, tại thời điểm ghi nhận khối lượng nước mua bán của các đồng hồ này.

3. Đơn giá mua bán trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

4. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, hai bên sẽ thương thảo, tính toán lại đơn giá cho phù hợp với tình hình thực tế.

IV./ VỀ THANH TOÁN:

- Hàng tháng Bên B sẽ thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch cho Bên A như sau:
 - + Thanh toán 50% số tiền mua bán vào ngày 05 của tháng liền kề sau ngày hai bên ghi nhận khối lượng nước mua bán.
 - + Thanh toán hết số tiền còn lại sau 07 (bảy) ngày kể từ ngày thanh toán lần đầu.
- Trường hợp ngày thanh toán rơi vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ theo quy định thì ngày thanh toán được dời vào ngày liền kề sau đó.
- Thanh toán tiền mua bán sỉ nước sạch bằng hình thức chuyển khoản.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng mua bán sỉ nước sạch, hai bên sẽ tiếp tục rà soát các khách hàng sử dụng nước khai thác trực tiếp trên tài sản (tuyến ống) của Bên A để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế.

Bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi bên giữ 01 (một) bản có giá trị như nhau.

Đ/DIỆN CTY CP CẤP NƯỚC PHÚ HOÀ TÂN

**Đ/DIỆN TỔNG CTY CẤP NƯỚC SÀI GÒN
-TNHH MTV**

PHỤ LỤC DANH SÁCH CÁC ĐỒNG HỒ TỔNG

1. Đồng hồ tổng nguồn (outlet):

STT	Mã vị trí	Vị trí
1	pt1001_10M345B	Vong xoay Dan chu
2	pt1002	3/2 - Cao Thang 1
3	pt1003	3/2 - Cao Thang 2
4	pt1004	3/2 - Tran Minh Quyen
5	pt1005	3/2 - Le Hong Phong noi dai
6	pt1006	3/2 - Nguyen Tri Phuong 1
7	pt1007	3/2 - Nguyen Tri Phuong 2
8	pt1009	3/2 - Nguyen Lam
9	pt1010	3/2 - Ly Thuong Kiet
10	pt1011	3/2 - Le Dai Hanh 1
11	pt1014	Góc truong hoc Phu Tho
12	pt1015	3/2 Ta Uyen
13	pt1018	3/2 - Le Hong Phong 2
14	pt1019	Vong xoay cay go

2. Đồng hồ tổng tách mạng:

STT	Mã vị trí	Vị trí
15	pt2005	DBP - Cao Thang
16	pt2017	Ly Thuong Kiet - Thien Phuoc
17	pt2018	Au Co - Le Dai Hanh - Nguyen Thi Nho (04-07)
18	pt2027	Khuon Viet - Au Co
19	pt2030	Au Co - Le Dai Hanh
20	pt2032	Au Co - Le Nga
21	cl2011	Tran Nhan Ton - Hung Vuong 1 (123 Hung Vuong
22	sg2003	Dien Bien Phu - Tran Minh Quyen (3A02)

3. Đồng hồ tổng nguồn (Outlet) của Công ty TNHH Nước ngầm Sài Gòn

STT	Mã vị trí	Vị trí
23	pt4002	Dong ho so 7- Tan Hoa - Lac Long Quan
24	pt4006	Dong ho so 5 (Tan Hoa – Hong Bang)

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **14** tháng **3** năm 2025

TỜ TRÌNH

V/v Thay đổi ngành nghề kinh doanh và Xác định tỷ lệ sở hữu nước ngoài của Công ty.

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông CTCP CN Phú Hòa Tân**

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;

Qua rà soát ngành nghề kinh doanh, để đảm bảo theo quy định pháp luật và phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết bỏ ngành, nghề kinh doanh có mã ngành là 6810 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Mã ngành này theo quy định, bị hạn chế tỷ lệ sở hữu nước ngoài.

Việc bỏ ngành nghề trên nhằm giúp công ty đảm bảo đúng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa theo Điều lệ Công ty quy định là 25%. Tỷ lệ này đã được ghi tại Điều lệ và báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước, đồng thời, được CBTT từ năm 2016.

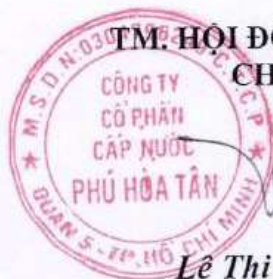
Với nội dung trình bày trên, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận thông qua **04** nội dung sau:

1. Bỏ mã ngành 6810 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản.
2. Giữ nguyên tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty là 25%.
3. Sửa đổi Điều lệ Công ty:
Sửa đổi Điều 4.1 về ngành, nghề kinh doanh của Công ty tại Điều lệ Công ty phản ánh việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh tại Mục 1 ở trên.
4. Giao cho Giám đốc, là Người đại diện theo pháp luật, triển khai các công việc liên quan đến thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty (theo nội dung trên) mà Đại hội đồng cổ đông thông qua; Thực hiện các thủ tục liên quan đến việc thay đổi ngành nghề kinh doanh tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông chấp thuận./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu. *ly*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
Thanh Tâm
Lê Thị Thanh Tâm



SAIGON WATER CORPORATION

PHUWACO

Thương hiệu cấp nước, vững bước cùng bạn!

Số: 173 /TTr-PHT-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 6 năm 2025

TỜ TRÌNH

**V/v miễn nhiệm thành viên HĐQT
và bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ III (2022 – 2027)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;
- Căn cứ hồ sơ miễn nhiệm và danh sách đề cử, ứng cử để bầu thay thế thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) của Công ty CP Cấp nước Phú Hòa Tân, gồm:
 - Công văn số 51/TCT-HĐTV ngày 18/3/2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về việc cử người đại diện vốn, giới thiệu nhân sự ứng cử Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân nhiệm kỳ IV (2022 – 2027);
 - Công văn số 108/TCT-HĐTV ngày 04/4/2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về việc cử người đại diện vốn, giới thiệu nhân sự ứng cử Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân nhiệm kỳ IV (2022 – 2027);
 - Công văn số 149/TCT-HĐTV ngày 03/6/2025 của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV về việc cử người đại diện vốn, giới thiệu nhân sự ứng cử Hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân nhiệm kỳ IV (2022 – 2027);
 - Công văn số 1001/2025/CV-Vikki Bank ngày 20/3/2025 của Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki (Vikki Bank) trước đây là Ngân hàng TMCP Đông Á về việc cử người đại diện phần vốn của Vikki Bank tại Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân.
 - Đơn ứng cử vào Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) của bà Trần Lệ Phương, người đại diện phần vốn của Vikki Bank tại Công ty Cổ phần Cấp nước Phú Hòa Tân;

Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông các nội dung sau:

- I. Miễn nhiệm chức danh 05 thành viên Hội đồng Quản trị có tên sau:
 1. Bà Lê Thị Thanh Tâm theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đối với người đại diện vốn góp.
 2. Ông Dương Văn Hòa theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đối với người đại diện vốn góp.

3. Ông Lê Hoàng Sơn theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đối với người đại diện vốn góp.
4. Ông Vương Vũ theo sự điều động của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV đối với người đại diện vốn góp.
5. Ông Võ Tấn Bảo Quang theo sự điều động của Vikki Bank đối với người đại diện vốn góp.

II. Thông qua danh sách bầu thay thế thành viên HĐQT nhiệm kỳ IV (2022 – 2027).

1. Ông Hoàng Ngọc Lâm - Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - có tỉ lệ đề cử 14,08% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Ông Lý Thành Tài - Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - có tỉ lệ đề cử 14,08% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết
3. Bà La Ngọc Hạnh - Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - có tỉ lệ đề cử 14,08% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
4. Bà Nguyễn Thị Thùy Linh - Đại diện vốn góp của Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV - có tỉ lệ đề cử 14,08% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
5. Bà Trần Lệ Phương - Đại diện vốn góp của Vikki Bank - có tỉ lệ đề cử 10,00% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

III. Bầu thay thế 05 thành viên tham gia HĐQT nhiệm kỳ IV (2022 – 2027).

Để đảm bảo cơ cấu tổ chức của HĐQT theo Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua các nội dung nêu trên.

Trân trọng./.

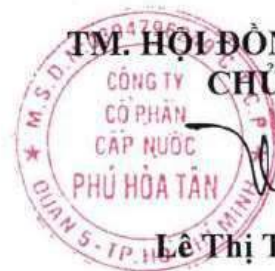
Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

(Đính kèm: Lý lịch trích ngang của ứng cử viên HĐQT)

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Thanh Tâm





LÝ LỊCH TRÍCH NGANG ỨNG CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC PHÚ HÒA TÂN, NHIỆM KỲ IV (2022-2027)
(THEO THỨ TỰ A, B, C,...)

TT	HỌ TÊN	NGÀY SINH	TỶ LỆ ĐỀ CỬ	ĐỊA CHỈ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN	QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC (Tóm tắt)
1	Bà LA NGỌC HẠNH	21/01/1974	14,08%	27/16 Đường 17, Hiệp Bình Chánh, Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	- Cử nhân Quản trị kinh doanh; - Cử nhân Anh ngữ	- 1994 - 2004: Nhân viên phòng Thương vụ và phòng Kinh doanh Công ty Cấp nước TP. HCM - 2005 - 2009: Nhân viên phòng Hợp tác phát triển kinh doanh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn. - 2010 - 2016: Tổ trưởng Tổ Tổng hợp và Phó Trưởng phòng Hợp tác phát triển Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; - 2016 - 6/2021: Phó Chánh Văn phòng Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; - 7/2021 - 7/2022: Phó Trưởng Phòng Hợp tác Truyền thông Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; - 8/2022 - nay: Trưởng Ban thư ký HĐQT Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
2	Ông HOÀNG NGỌC LÂM	27/02/1973	14,08%	1623 Phạm Thế Hiển, P6, Q8, TP. HCM	- Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Tài chính kế toán - Cao cấp Lý luận chính trị	- 1996 – 2004: Nhân viên Công ty TNHH Tín Phong và Chi nhánh Miền nam Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông số 5; 2004 – 2020: Nhân viên kế toán Xây dự Cơ Bản, Tổ phó tổ Đầu tư xây dựng, Tổ trưởng Tổ Đầu tư xây dựng, Phó trưởng Phòng Kế toán Tài chính, Phụ trách phòng Kế toán Tài chính Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn; - Tháng 02/2020 – nay: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Kế toán Tài chính Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.
3	Bà NGUYỄN THỊ THÙY LINH	04/11/1984	14,08%	Số 12, đường 19, KDC Khang Điền, Phường Phước Long B, Thành phố Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	- Thạc sĩ Quản lý xây dựng; - Cử nhân Quản trị kinh doanh; - Trung cấp chính trị	- 02/2007 - 01/2008: NV Phòng Tổ chức Nhân sự Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú - 04/2005 - 9/2013: NV Phòng Tổ chức Hành chính tại Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức - 10/2013 - 06/2016: Phó Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức - 07/2016 - 10/2016: Đội trưởng Đội Quản lý Đồng hồ nước Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức - 11/2016 - 07/2022: Đội trưởng Đội ghi thu đồng hồ nước sau là Trưởng phòng Ghi thu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức

						- 08/2022 - 05/2023: Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức - 06/2023 - nay: Phó Giám đốc Kinh doanh Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn TNHH MTV
4	Bà TRẦN LỆ PHƯƠNG	15/01/1978	10,00%	473/8/16 Tô Hiến Thành, Phường 14, Quận 10, Tp. HCM	- Thạc sĩ Kinh tế - Cử nhân Tài chính tín dụng	- 2002: Kế toán viên Công ty TNHH Hào Quang. - 2003 - 2010: lần lượt giữ các chức vụ tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Nhà Tp.HCM: Chuyên viên Kiểm toán nội bộ, Kiểm soát viên và Trưởng Phòng Kế toán ngân quỹ. - 2013 - 2024: lần lượt giữ các chức vụ tại Ngân hàng TMCP Phát Triển Tp.HCM (HDBank): Phó giám đốc CN Nguyễn Đình Chiểu, Giám đốc Dịch vụ khách hàng, Phó Trưởng Kiểm toán nội bộ, Phó giám đốc Phát triển CN Vĩnh Long và Giám đốc KHDN Trung Tâm Kinh doanh. - 2025 - nay: Phó Giám đốc Khối tại Ngân hàng TNHH MTV Số Vikki
5	Ông LÝ THÀNH TÀI	03/05/1978	14,08%	257/8/5 Khu phố 2, phường Tân Phú, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh	- Thạc sĩ Quản lý Kinh tế - Thạc sĩ Kỹ thuật cơ sở hạ tầng - Kỹ sư Kỹ thuật Môi trường. - Cử nhân Chính trị	- 07/2001 - 12/2005: Giáo viên Trường Cao đẳng Xây dựng Số 2, Tp. HCM. - 01/2006 - 12/2011: Tổ trưởng Tổ Kỹ thuật mạng lưới Phòng Kỹ thuật Công nghệ Tổng Công ty CN Sài Gòn; - 01/2012 - 03/2017: Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật Công nghệ Tổng Công ty CN Sài Gòn; - 4/2017 - 4/2018: Trưởng Phòng Kỹ thuật Công nghệ Tổng Công ty CN Sài Gòn; - 4/2018 đến nay: Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Cấp nước Nhà Bè;